



HÀ BÍCH LIÊN (Chủ biên)
NGUYỄN TRÀ MY – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG
NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

Bài tập

và **LỊCH SỬ**
ĐỊA LÍ

(PHẦN LỊCH SỬ)

6



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HÀ BÍCH LIÊN (Chủ biên)

NGUYỄN TRÀ MY – MAI THỊ PHÚ PHƯƠNG – NGUYỄN KIM TƯỜNG VY

Bài tập
LỊCH SỬ
và ĐỊA LÍ
(PHẦN LỊCH SỬ)

6

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Biên tập nội dung: HÀ THỊ NGA – NGUYỄN THANH TUYỀN

Thiết kế sách: PHAN THỊ THIỀN HƯƠNG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: TRẦN DUY THANH

Sửa bản in: HÀ THỊ NGA

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 (PHẦN LỊCH SỬ)

Mã số: G2BH6U001M21

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB: 1200-2021/CXBIPH/1-1029/GD

Số QĐXB:..... ngày tháng.... năm 20 ...

In xong và nộp lưu chiểu thángnăm 20....

Mã số ISBN: 978-604-0-27327-7

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 6 thân mến,

Các em đang có trong tay cuốn sách *Bài tập Lịch sử và Địa lí 6* (phần *Lịch sử*), một người bạn thân thiết đồng hành cùng các em trong quá trình khám phá quá khứ đầy bí ẩn của lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử dân tộc thời kì từ nguyên thuỷ đến đầu thế kỉ X.

Được thiết kế trên nền tảng của sách giáo khoa *Lịch sử và Địa lí 6* (phần *Lịch sử*) – bộ sách “Chân trời sáng tạo”, sách *Bài tập Lịch sử và Địa lí 6* (phần *Lịch sử*) là công cụ hỗ trợ các thầy, cô giáo và học sinh trong quá trình thực hiện công tác dạy và học theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đặc biệt, với những bài tập hấp dẫn, sinh động, các em sẽ dễ dàng hơn khi tiếp cận với môn học theo hướng phát triển năng lực, đáp ứng tốt yêu cầu cần đạt của mỗi một bài học.

Các em sẽ được làm quen những dạng bài tập, câu hỏi sau:

– *Bài tập phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử*: đây là những bài tập rèn luyện cho học sinh khả năng khai thác và sử dụng được các thông tin có trong tư liệu lịch sử của từng bài học.

– *Bài tập phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử*: đây là những bài tập tự luận trên cơ sở sử dụng tư liệu lịch sử với những dạng bài như trắc nghiệm, xác định câu trả lời đúng – sai, phán đoán và đưa ra quyết định. Bên cạnh đó còn có bài tập phát triển tư duy phản biện, trình bày quan điểm riêng trước một vấn đề lịch sử.

– *Bài tập phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học*: đây là những bài tập đòi hỏi năng lực vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học để mô tả, giải thích hoặc giải quyết một vấn đề liên quan đến cuộc sống hiện tại. Đặc biệt, các bài tập đóng vai (đặt bản thân vào một tình huống hay ngữ cảnh lịch sử có trong chương trình) sẽ là những trải nghiệm thú vị của các em với phân môn *Lịch sử*.

Với hi vọng giảm bớt áp lực học tập cho các em, cuốn sách nhỏ này sẽ mang đến cảm giác háo hức khám phá, khao khát tìm tòi và cùng với các em bắt đầu cuộc hành trình khám phá quá khứ – một quá khứ sống động và không thể tách rời với hiện tại.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU 3

CHƯƠNG 1. TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?

- Bài 1. Lịch sử là gì? 5
Bài 2. Thời gian trong lịch sử 9

CHƯƠNG 2. THỜI KÌ NGUYÊN THUỶ

- Bài 3. Nguồn gốc loài người 12
Bài 4. Xã hội nguyên thuỷ 14
Bài 5. Sự chuyển biến từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp 18

CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI

- Bài 6. Ai Cập cổ đại 21
Bài 7. Lưỡng Hà cổ đại 24
Bài 8. Ấn Độ cổ đại 26
Bài 9. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII 28
Bài 10. Hy Lạp cổ đại 32
Bài 11. La Mã cổ đại 36

CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KÌ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KÌ X

- Bài 12. Các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X 38
Bài 13. Giao lưu thương mại và văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X 42

CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KÌ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KÌ X

- Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc 45
Bài 15. Đời sống của người Việt thời kỉ Văn Lang, Âu Lạc. 47
Bài 16. Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kỉ Bắc thuộc. 50
Bài 17. Đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc thời Bắc thuộc 53
Bài 18. Các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc trước thế kỉ X 56
Bài 19. Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X 59
Bài 20. Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X 63
Bài 21. Vương quốc cổ Phù Nam 66

TẠI SAO CẦN HỌC LỊCH SỬ?

Bài 1 LỊCH SỬ LÀ GÌ?

Câu 1. Chọn các dữ kiện điền vào chỗ trống

- | | |
|------------------------|---------------|
| a. lịch sử | b. xuất hiện |
| c. biến đổi | d. tương lai |
| e. bài học kinh nghiệm | f. cội nguồn |
| g. thời gian | h. khoa học |
| i. hoạt động | j. loài người |
| k. quá khứ | l. đấu tranh |

Mọi sự vật xung quanh chúng ta đều phát sinh, tồn tại và
 theo..... Xã hội cũng vậy. Quá trình đó chính là
 lịch sử.

..... là những gì đã xảy ra trong.....,
 bao gồm mọi hoạt động của con người từ khiđến nay.

Môn Lịch sử là môn tìm hiểu về lịch sử loài người, bao
 gồm toàn bộ những của con người và xã hội loài người trong
 quá khứ.

Học lịch sử để biết được của tổ tiên, quê hương, đất nước;
 hiểu được ông cha ta đã phải lao động, sáng tạo,như
 thế nào để có được đất nước ngày nay. Học lịch sử còn để đúc kết những
 của quá khứ nhằm phục vụ cho
 hiện tại và.....

Câu 2. Nối dữ liệu hai cột bên dưới để miêu tả được đặc điểm các nguồn sử liệu.

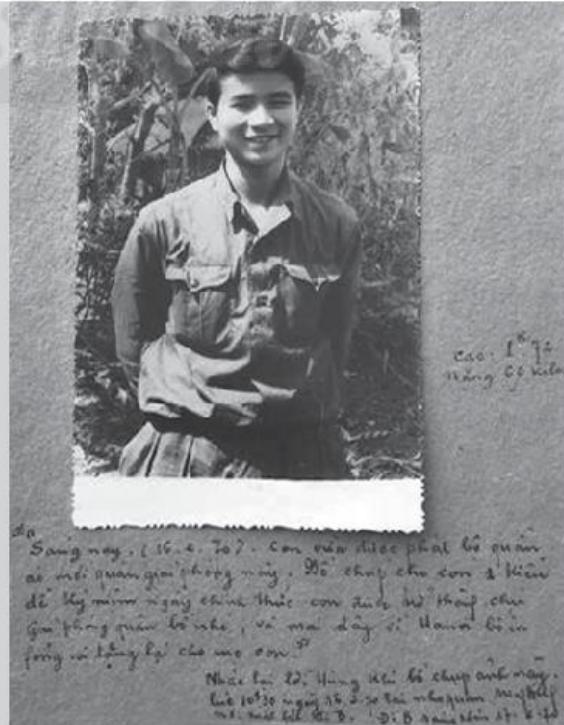
1. Tư liệu gốc	A. Những dấu tích vật chất của người xưa còn giữ được trong lòng đất hay trên mặt đất như các công trình kiến trúc, các tác phẩm nghệ thuật, đồ gốm,...
2. Tư liệu truyền miệng	B. Bao gồm các bản chữ khắc trên xương, mai rùa, vỏ cây, đá, các bản chép tay hay in trên giấy,... ghi chép tương đối đầy đủ mọi mặt đời sống con người và các sự kiện lịch sử đã xảy ra.
3. Tư liệu chữ viết	C. Gồm nhiều thể loại như truyền thuyết, thần thoại, ca dao, dân ca,... được truyền từ đời này qua đời khác.
4. Tư liệu hiện vật	D. Tư liệu liên quan trực tiếp đến sự kiện lịch sử, ra đời vào thời điểm diễn ra sự kiện, phản ánh sự kiện lịch sử đó.

Câu 3. Đây là những bút tích của người cha ghi lại trên bức hình con trai của ông, liệt sĩ Phạm Ngọc Hùng (1951 – 1971).

"Sáng nay, (16 - 2 - 1970). Con vừa được phát bộ quần áo mới quanh năm không mệt. Bố chụp cho con một kiểu để kỉ niệm ngày chính thức con được trở thành chú giải phóng quân bố nhé, và mai đây về Hà Nội, bố in phóng ra tặng lại cho mẹ con".

Nhắc lại lời Hùng khi bố chụp ảnh này lúc 10 giờ 30 phút ngày 16 - 2 - 1970, tại Nho Quan, Ninh Bình, nơi xuất phát đi B⁽¹⁾. Đi B sáng sớm 17 - 2 - 1970".

⁽¹⁾ Đi B: vào chiến trường miền Nam chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975).



Yêu cầu:

1. Dựa vào thông tin nào trong những dòng bút tích để em biết đó là việc đã xảy ra trong quá khứ? Hãy đặt những câu hỏi lịch sử thường đi với các từ: *ai, khi nào, ở đâu?*... để tìm hiểu thêm thông tin về bức ảnh.
2. Bức ảnh chụp và những dòng bút tích đi cùng có phải là tư liệu gốc không? Tại sao?
3. Dựa vào những thông tin đó, em hãy viết một câu chuyện lịch sử ngắn dựa trên những thông tin có trong tư liệu.

Câu 4. Tục ngữ Việt Nam có câu “Tam sao thất bản”, theo em loại tư liệu lịch sử nào có thể mắc hạn chế đó? Kể tên và giải thích tại sao.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Ngạn ngữ có câu: “Nói có sách, mách có chứng”. Theo em câu ngạn ngữ đó có đúng trong phương pháp nghiên cứu và học lịch sử không? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Đọc văn bản bên dưới và cho biết:

– Bí ẩn nào về vị vua này mà khoa học lịch sử cần phải làm sáng tỏ?

.....

.....

.....

.....

– Tư liệu chữ viết cung cấp những thông tin gì? Kể tên những tư liệu hiện vật có trong câu chuyện. Đó có phải là những tư liệu gốc không? Tại sao?

.....

.....

.....

.....

Lăng mộ vua Ai Cập Tu-tan-kha-mun (1341 TCN – 1323 TCN) được phát hiện năm 1922. Khi mở quan tài ra, xác ướp vẫn còn nguyên vẹn.

Theo các văn bản của Ai Cập cổ đại, Tu-tan-kha-mun chết vào năm 19 tuổi, sau khi trị vì 9 năm. Tại sao ông vua này lại chết khi còn rất trẻ, liệu có phải ông ấy bị giết chết không?

Khám nghiệm xác ướp lần đầu tiên vào năm 1924, các nhà khảo cổ học phát hiện Tu-tan-kha-mun cao 1,68 m, cơ thể gầy gò, hàm trái có một vết cắt, xương sống bị cong nên dáng đi của ông có thể hơi gù.

Năm 1968, kết quả chụp X-quang cho thấy: Xác ướp có một vết thương ở má trái, hơi bị hở hàm ếch và có vài mảnh xương trong khoang não. Nghi vấn đặt ra: Liệu có ai đó đã dùng vật nặng đánh mạnh vào đầu, giết chết vị vua này?

Nửa thế kỷ trôi qua, vào năm 2005, máy chụp cắt lớp CT Scan của y khoa hiện đại chụp ra 1700 hình ảnh từ xác ướp, giúp phục dựng lại khá chính xác khuôn mặt vua Tu-tan-kha-mun, phát hiện thêm bàn chân bên trái bị gãy rất nặng và bị nhiễm trùng trước khi chết.

Năm 2010, dựa trên kết quả giám định DNA từ xương, răng của xác ướp, các nhà khoa học đã đi đến kết luận: Cha mẹ của vua Tu-tan-kha-mun là anh em cùng huyết thống, đó là nguyên nhân gây ra lỗi gen – hở hàm ếch, chân vòng kiềng, gây nhiễm trùng xương ở bàn chân trái. Ông vua này còn bị bệnh sốt rét. Đó là những nguyên nhân dẫn đến cái chết của Tu-tan-kha-mun.



Mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun

Bài 2

THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

Câu 1. Chọn các dữ kiện điền vào chỗ trống.

- | | |
|---------------|--------------|
| a. quy luật | b. quan sát |
| c. dương lịch | d. một năm |
| e. âm lịch | f. thời gian |
| g. một tháng | h. một vòng |
| i. Trái Đất | |

Dựa vàovà tính toán, người xưa đã phát hiện
di chuyển của Mặt Trăng,Mặt Trời để tính
và làm ra lịch.

.....là cách tính thời gian theo chu kỳ Mặt Trăng quay xung quanh
Trái Đất. Thời gian Mặt Trăng chuyển động hếtquanh Trái Đất
là.....

.....là cách tính thời gian theo chu kỳ Trái Đất quay xung
quanh Mặt Trời. Thời gian Trái Đất chuyển động hết một vòng quanh Mặt Trời
là.....

Câu 2. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Lịch chính thức của thế giới hiện nay dựa theo cách tính thời gian của:

- | | |
|----------------|-------------------|
| A. âm lịch. | C. bát quái lịch. |
| B. dương lịch. | D. ngũ hành lịch. |

2. Năm đầu tiên của Công nguyên được lấy theo năm ra đời của nhân vật lịch sử nào?

- | | |
|--------------------------------------|--------------------|
| A. Đức Phật Thích Ca. | C. Chúa Giê-su. |
| B. A-léch-xan-đơ (Alexander) Đại đế. | D. Tần Thuỷ Hoàng. |

3. Trước Công nguyên được tính từ khoảng thời gian nào?

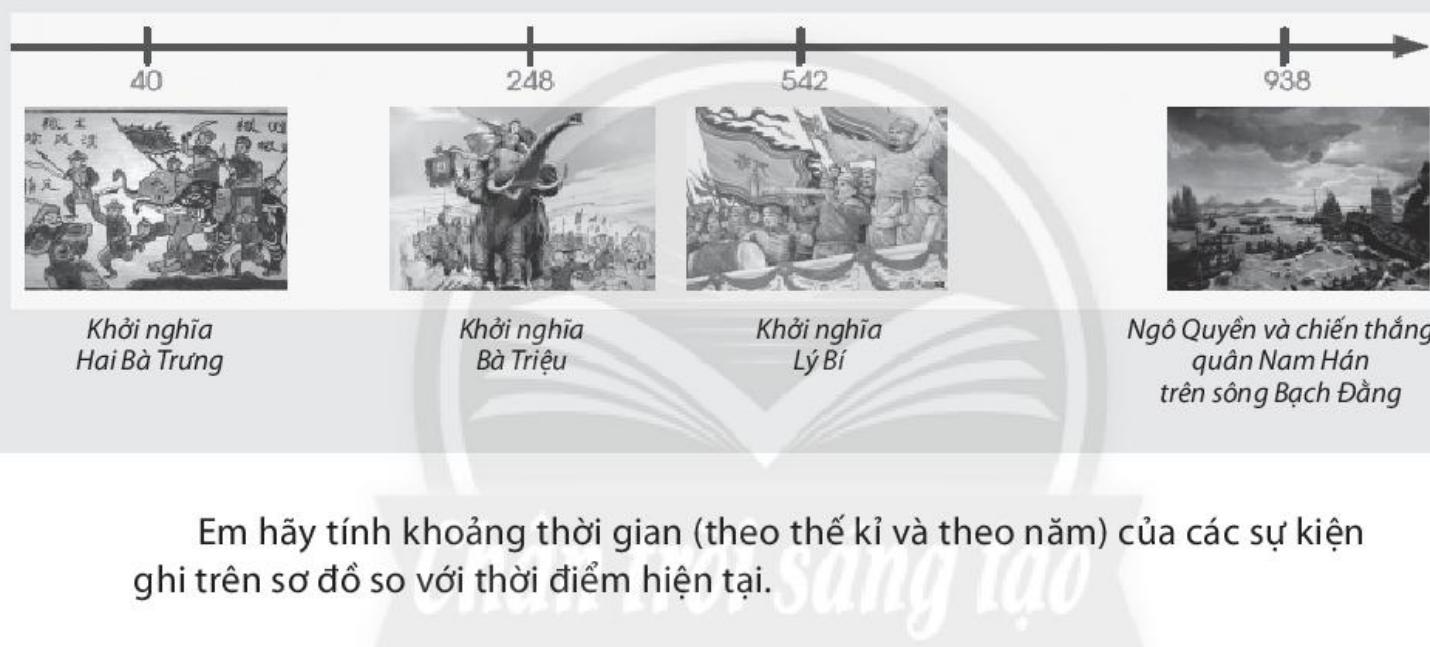
- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| A. Từ năm 0 Công lịch. | C. Trước năm 1 Công lịch. |
| B. Trước năm 0 Công lịch. | D. Sau năm 1 Công lịch. |

4. Một thế kỉ có bao nhiêu năm?

- A. 10 năm.
- B. 100 năm.
- C. 1000 năm.
- D. 10 000 năm.

Câu 3. Để có được một bức tranh toàn cảnh về quá khứ, chúng ta cần đặt những sự kiện đã xảy ra theo một trình tự thời gian – từ sự kiện sớm nhất đến sự kiện gần đây nhất – gọi là sơ đồ dòng thời gian.

Ví dụ dưới đây cho chúng ta thấy cách thiết kế sơ đồ dòng thời gian các giai đoạn lịch sử khác nhau và những đặc điểm căn bản nhất của một sơ đồ dòng thời gian.



Em hãy tính khoảng thời gian (theo thế kỉ và theo năm) của các sự kiện ghi trên sơ đồ so với thời điểm hiện tại.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

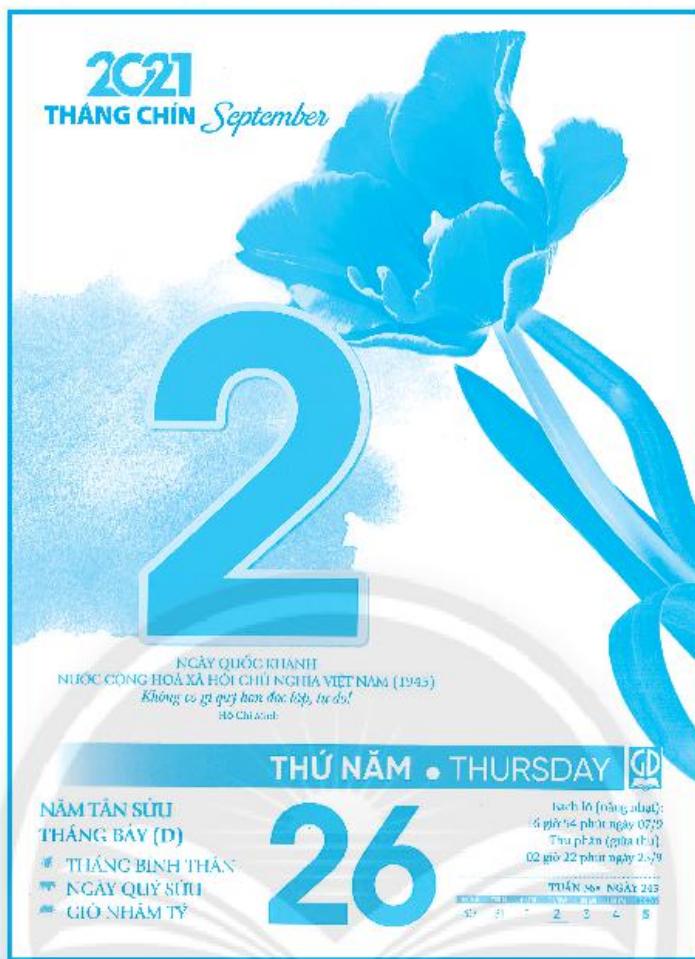
.....

.....

.....

.....

Câu 4. Quan sát một tờ lịch bên dưới rồi viết các thông tin về thứ, ngày, tháng, năm dương lịch và ngày, tháng, năm theo âm lịch vào chỗ trống.



Âm lịch

Dương lịch

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3**NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI**

Câu 1. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Vượn người xuất hiện vào khoảng thời gian nào?
 - A. Khoảng từ 6 triệu đến 5 triệu năm cách ngày nay.
 - B. Khoảng từ 5 triệu đến 4 triệu năm cách ngày nay.
 - C. Khoảng từ 4 triệu đến 3 triệu năm cách ngày nay.
 - D. Khoảng từ 3 triệu đến 2 triệu năm cách ngày nay.

2. Người tối cổ xuất hiện sớm nhất ở đâu?
 - A. Châu Á.
 - B. Châu Âu.
 - C. Châu Mĩ.
 - D. Châu Phi.

3. Người tinh khôn xuất hiện vào khoảng thời gian nào?
 - A. Khoảng 1 triệu năm trước.
 - B. Khoảng 500 000 năm trước.
 - C. Khoảng 150 000 năm trước.
 - D. Khoảng 50 000 năm trước.

4. Người đứng thẳng (*Homo Erectus*) thuộc nhóm nào dưới đây?
 - A. Vượn cổ.
 - B. Người tối cổ.
 - C. Người tinh khôn.
 - D. Người thông minh.

5. Con số 1450 cm^3 là thể tích não của loài người nào?
 - A. Người tối cổ.
 - B. Người đứng thẳng.
 - C. Người tinh khôn.
 - D. Người lùn.

Câu 2. Em hãy điền những từ hoặc cụm từ phù hợp vào chỗ trống để thể hiện sự xuất hiện của Người tinh khôn trong quá trình tiến hóa.

Khoảng năm trước, Người tinh khôn, còn được gọi là
..... đã xuất hiện. Người tinh khôn có bộ não và cấu tạo cơ thể Sự xuất hiện của đánh dấu quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người đã hoàn thành.

Câu 3. So sánh sự khác nhau giữa Người tối cổ và Người tinh khôn để làm rõ quá trình tiến hóa của loài người theo bảng sau:

Đặc điểm	Người tối cổ	Người tinh khôn
Thời gian xuất hiện		
Cấu tạo cơ thể + Hình dáng + Thể tích não		

Câu 4. Em hãy chọn Đúng hoặc Sai cho những câu bên dưới.

Ghi Đ vào trước câu đúng, S trước câu sai.

- Người tối cổ xuất hiện khá muộn ở Đông Nam Á.
- Ở Xuân Lộc (Đồng Nai) những nhà khảo cổ học tìm được dấu tích của Người tối cổ.
- Hóa thạch đầu tiên của Người tối cổ được tìm thấy trên đảo ở Thái Lan.
- Nhiều công cụ đá ghè đẽo tinh vi, hiện đại của Người tối cổ cũng được tìm thấy ở nhiều nơi trên đất nước Việt Nam.
- Ở các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), các nhà khoa học còn phát hiện được những chiếc răng Người tối cổ cách ngày nay khoảng 2 triệu năm.

Bài 4

XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Câu 1. Em hãy nối các dữ kiện ở các cột A, B, C với nhau để thể hiện các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thuỷ.

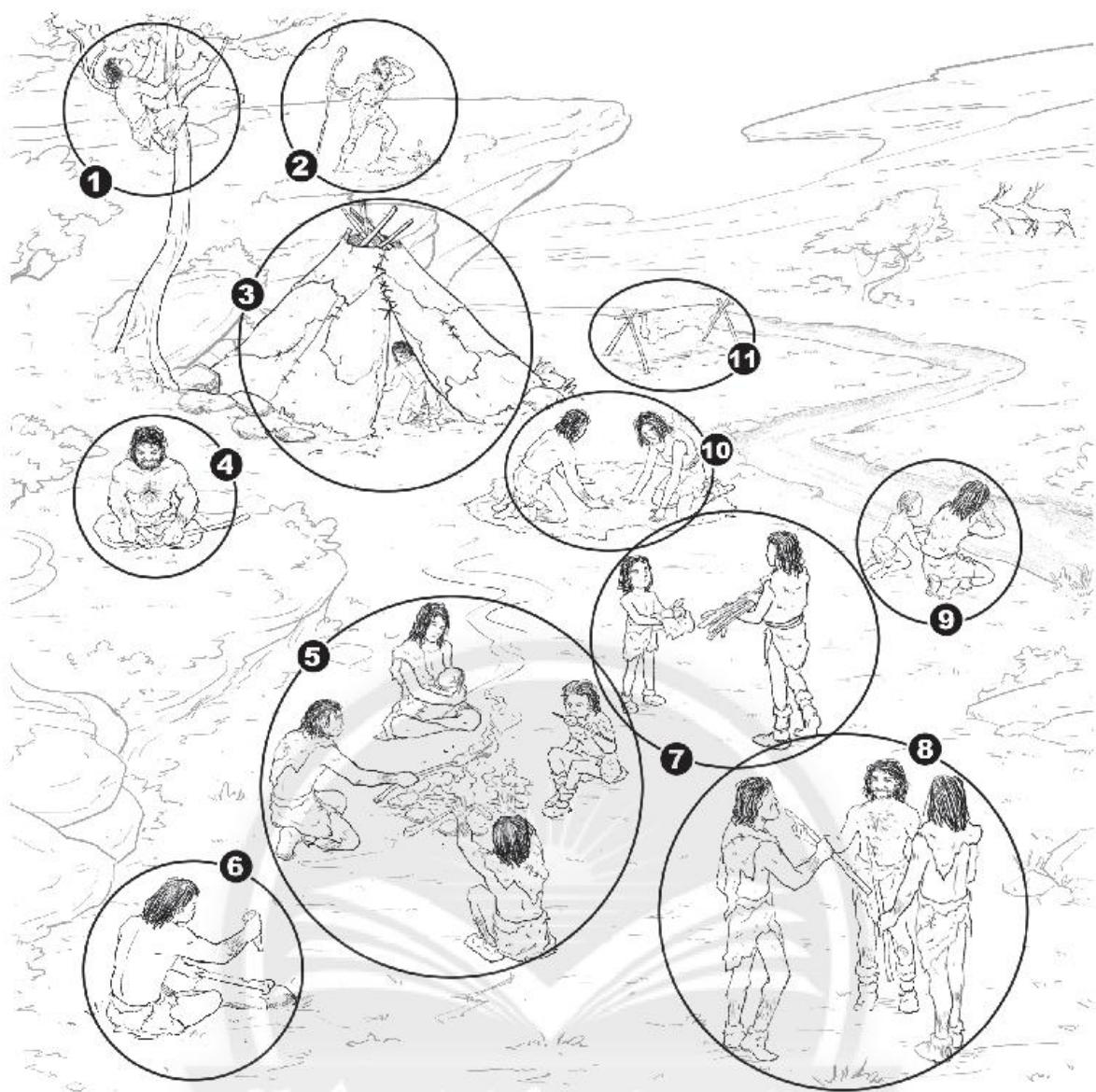
Cột A	Cột B	Cột C
Bầy người nguyên thuỷ	Gồm vài gia đình sinh sống cùng nhau	Đứng đầu là tộc trưởng
Công xã thị tộc	Gồm các gia đình có quan hệ huyết thống sinh sống cùng nhau	Nhiều thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng và gắn bó với nhau hợp thành bộ lạc
		Có sự phân công giữa lao động nam và nữ

Câu 2. Em hãy điền những từ hoặc cụm từ vào chỗ trống để thể hiện sự phát triển trong cách thức lao động của người nguyên thuỷ.

Qua hái lượm, người nguyên thuỷ phát hiện những hạt ngũ cốc, những loại rau quả có thể được. Từ săn bắt, họ dần phát hiện những con vật có thể và

Cùng với sự phát triển của công cụ đá mài,, và động vật, người nguyên thuỷ đã bắt đầu đời sống

Câu 3. Quan sát hình ảnh mô phỏng một khu vực cư trú của người nguyên thuỷ ở trang 15, em hãy ghi chú từng cảnh trong đời sống của họ.



- Chân trời sáng tạo
- 1.....
 - 2.....
 - 3.....
 - 4.....
 - 5.....
 - 6.....
 - 7.....
 - 8.....
 - 9.....
 - 10.....
 - 11.....

Câu 4. Quan sát hình ảnh dưới đây, hãy đặt các câu hỏi về những điều mà em muốn biết liên quan đến đời sống của người nguyên thuỷ (Gợi ý: Người nguyên thuỷ làm thế nào để tạo ra lửa? Họ dùng lửa để làm gì?,...).



Câu 5. Hãy tưởng tượng em đang ở trong một khu rừng già, xa xôi, hoang vắng, chỉ có cây cối, hang đá, thú rừng và không có các vật dụng thời hiện đại như bật lửa, diêm, điện thoại di động, áo mưa, lương thực,... Làm thế nào để em có thể tồn tại?

Câu 6. Em hãy thiết kế một bảng thực đơn của Người tối cổ. Những thức ăn nào phổ biến với họ mà ngày nay chúng ta vẫn còn sử dụng?

Chân trời sáng tạo

Bài 5

SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP

Câu 1. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Vào khoảng thiên niên kỷ IV TCN, con người tình cờ phát hiện ra kim loại nào?

- A. Đồng đỏ.
- B. Thiếc.
- C. Kẽm.
- D. Chì.

2. Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời sớm nhất ở

- A. Tây Á và Đông Nam Á.
- B. Tây Á và Bắc Phi.
- C. Tây Á và Nam Mĩ.
- D. Tây Á và Nam Á.

3. Xã hội nguyên thuỷ ở Việt Nam có những chuyển biến quan trọng vào thời gian nào?

- A. Hơn 4000 năm TCN .
- B. Hơn 3000 năm TCN.
- C. Hơn 2000 năm TCN.
- D. Hơn 1000 năm TCN.

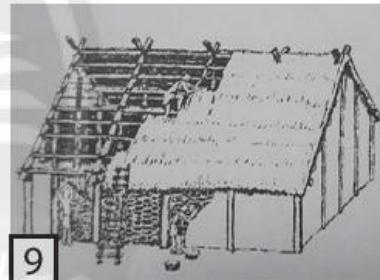
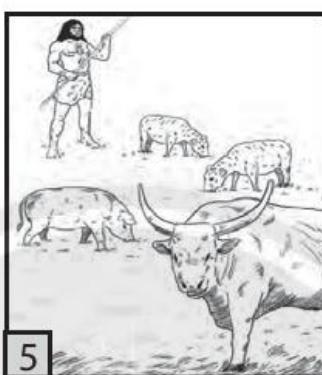
4. Các nền văn hoá gắn với thời kì chuyển biến của xã hội nguyên thuỷ ở Việt Nam là

- A. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Gò Mun.
- B. Phùng Nguyên, Đồng Đậu, Óc Eo.
- C. Phùng Nguyên, Núi Đẹp, Đa Bút.
- D. Đồng Đậu, Hoa Lộc, Tràng An.

5. Công cụ lao động bằng chất liệu nào đã giúp người nguyên thuỷ mở rộng địa bàn cư trú?

- A. Đá.
- B. Gỗ.
- C. Kim loại.
- D. Nhựa.

Câu 2. Người nguyên thuỷ đã có nhiều phát minh ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của loài người. Dựa vào những hình vẽ bên dưới, em hãy nêu tên và đưa ra những từ khoá về ý nghĩa của những phát minh đó.



1.....
.....
.....
.....

4.....
.....
.....
.....

7.....
.....
.....
.....

Câu 3. Em hãy điền những từ hoặc cụm từ vào chỗ trống để bước đầu giải thích tại sao xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông phân hoá không triệt để.

Nhờ có công cụ lao động bằng....., vào cuối thời nguyên thuỷ, con người có thể làm ra một lượng..... Những sản phẩm dư thừa này đã thuộc về một số người.

Quá trình phân hoá xã hội và tan rã của xã hội nguyên thuỷ ở các nơi trên thế giới không giống nhau. Vào cuối thời nguyên thuỷ, cư dân phương Đông..... chủ yếu bên các dòng sông, đất phù sa màu mỡ, thuận tiện để sử dụng..... Trong điều kiện đó, họ thường sống....., cùng.....và chống giặc ngoại xâm. Do vậy, sự liên kết giữa các cộng đồng và nhiều vẫn tiếp tục được bảo lưu.

Câu 4. Đọc đoạn văn mô tả về khu mộ thuyền Việt Khê dưới đây, em thấy có điểm gì khác nhau giữa các ngôi mộ ở Việt Khê? Tại sao lại có sự khác nhau đó?

Khu mộ Việt Khê (Hải Phòng) có niên đại cách ngày nay khoảng 2000 – 2500 năm. Trong 5 ngôi mộ còn khá nguyên vẹn được khai quật chỉ có một ngôi mộ chôn theo hiện vật. Đó là một quan tài hình thuyền, được khoét từ một thân cây khổng lồ, chiều dài của quan tài là 476 cm và chiều rộng là 77 cm. Có 107 hiện vật chôn theo, chủ yếu bằng đồng, số ít là gỗ và đá, bao gồm công cụ lao động, đồ dùng hằng ngày kể cả khuy áo, vũ khí, nhạc khí,... Đáng chú ý là một chiếc trống đồng, vừa là nhạc khí, vừa là biểu tượng cho quyền lực của người Việt cổ. Bốn ngôi mộ nhỏ còn lại không chôn theo hiện vật gì.

CHƯƠNG

3

XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Bài 6

AI CẬP CỔ ĐẠI

Câu 1. Quan sát lược đồ Ai Cập cổ đại trong SGK và nối các ý ở cột bên trái với cột bên phải sao cho phù hợp.

Phía bắc Ai Cập cổ đại giáp với

Phía đông Ai Cập cổ đại giáp với

Phía tây Ai Cập cổ đại giáp với

Phía nam Ai Cập cổ đại giáp với

sa mạc Đông và Biển Đỏ

sa mạc Tây thuộc sa mạc Xa-ha-ra

Địa Trung Hải

sa mạc Nu-bi-a thuộc sa mạc Xa-ha-ra

Câu 2. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Ai Cập nằm ở khu vực nào hiện nay?

- A. Đông Bắc châu Phi.
- B. Đông Nam châu Phi.
- C. Tây Bắc Châu Phi
- D. Tây Nam châu Phi.

2. Vùng Hạ Ai Cập nằm ở khu vực nào của Ai Cập?

- A. Đông Ai Cập.
- B. Tây Ai Cập.
- C. Nam Ai Cập.
- D. Bắc Ai Cập.

3. Vùng Thượng Ai Cập nằm ở khu vực nào của Ai Cập?

- A. Đông Ai Cập.
- B. Tây Ai Cập.
- C. Nam Ai Cập.
- D. Bắc Ai Cập.

4. Khoảng thời gian nào nước sông Nin dâng cao, tràn lên hai bên bờ sông?

- A. Tháng 5 đến tháng 7.
- B. Tháng 7 đến tháng 10.
- C. Tháng 10 đến tháng 12.
- D. Tháng 12 đến tháng 2 năm sau.

5. Khoảng thời gian nào cư dân Ai Cập cổ đại thu hoạch và tích trữ lúa mì?

- A. Tháng 1 đến tháng 3.
- B. Tháng 3 đến tháng 6.
- C. Tháng 7 đến tháng 9.
- D. Tháng 9 đến tháng 12.

6. Vị vua nào đã thống nhất Thượng Ai Cập và Hạ Ai Cập theo truyền thuyết?

- A. Vua Na-mơ.
- B. Vua Tu-tan-kha-mun.
- C. Vua Thót-mo (Thutmose).
- D. Vua Ram-sét.

7. Đứng đầu nhà nước cổ đại Ai Cập là

- A. tể tướng.
- B. pha-ra-ông.
- C. tướng lĩnh.
- D. tu sĩ.

8. Chữ viết ban đầu của người Ai Cập là loại chữ

- A. hình nêm.
- B. tượng hình.
- C. La Mã.
- D. tiểu triện.

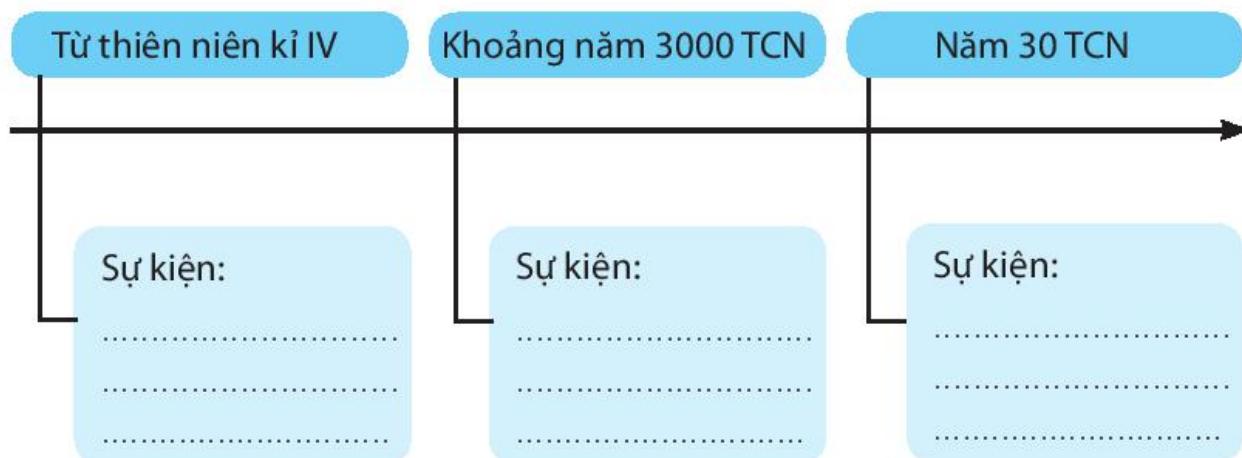
9. Người Ai Cập ướp xác để

- A. làm theo ý thần linh.
- B. gia đình được giàu có.
- C. đợi linh hồn tái sinh.
- D. người chết được lên thiên đàng.

10. Công trình kiến trúc nổi tiếng nhất của người Ai Cập là

- A. tượng nhân sư.
- B. tượng bán thân Nê-phéc-ti-ti.
- C. mặt nạ vua Tu-tan-kha-mun.
- D. kim tự tháp.

Câu 3. Hoàn thành cây sơ đồ sau:



Câu 4. Vẽ sơ đồ tư duy theo mẫu bên dưới về các thành tựu văn hóa tiêu biểu mà người Ai Cập cổ đại đóng góp cho văn minh nhân loại.



Bài 7

LƯỠNG HÀ CỔ ĐẠI

Câu 1. Em hãy chọn Đúng hoặc Sai cho những câu bên dưới.

Ghi Đ vào trước câu đúng, S trước câu sai.

- Lưỡng Hà là vùng đất nằm trên lưu vực ba con sông.
- Sông Nin là con sông dài nhất ở Lưỡng Hà.
- Lưỡng Hà là một vùng đất dài và hẹp.
- Sông O-phơ-rát nằm ở phía đông của sông Ti-gơ-ro.
- Lưỡng Hà không có biên giới thiên nhiên hiểm trở.
- Hoạt động buôn bán, trao đổi giữa Lưỡng Hà với các vùng xung quanh không phát triển.
- Ở Lưỡng Hà không có thương nhân, chỉ có nông dân.
- Người Lưỡng Hà biết làm nông nghiệp từ sớm.

Câu 2. Nối các dữ kiện ở cột bên trái với cột bên phải sao cho phù hợp.

1. Người Xu-me là...	A... họ xây dựng những quốc gia thành thị.
2. Khoảng 3500 năm TCN...	B... người Ba Tư xâm lược Lưỡng Hà.
3. Mỗi quốc gia thành thị...	C... là nơi tập trung những quốc gia thành thị của người Xu-me.
4. Vùng hạ lưu sông Ti-gơ-ro và O-phơ-rát...	D... bao gồm một thành phố và vùng đất xung quanh lệ thuộc vào nó.
5. Sau người Xu-me...	E... nhiều tộc người khác thay nhau làm chủ vùng đất này.
6. Năm 539 TCN...	F... là nhóm người đến cư trú sớm nhất ở Lưỡng Hà.

Câu 3. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Từ thiên niên kỷ IV TCN, Lưỡng Hà đã có chữ viết

- A. hình nêm.
- B. hình nón.
- C. hình trụ.
- D. hình tròn.

2. Thành tựu văn học nổi bật của người Lưỡng Hà là

- A. bộ sử thi Đăm Săn.
- B. thần thoại Héc-quyn (Hercules).
- C. bộ sử thi Gin-ga-mét.
- D. thần thoại Nữ Oa.

3. Bộ luật thành văn quan trọng của người Lưỡng Hà là

- A. bộ luật Ha-mu-ra-bi.
- B. bộ luật La Mã.
- C. bộ luật 12 bảng.
- D. bộ luật Ha-la-kha.

4. Người Lưỡng Hà đã phát triển hệ đếm lấy số nào làm cơ sở?

- A. Số 40.
- B. Số 50.
- C. Số 60.
- D. Số 70.

5. Công trình kiến trúc nổi tiếng nào của người Lưỡng Hà được xem là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ đại?

- A. Cổng thành Ba-bi-lon.
- B. Vườn treo Ba-bi-lon.
- C. Hộp gỗ thành Ua.
- D. Cung điện Um-ma.

6. Chữ viết của người Lưỡng Hà được viết trên

- A. giấy pa-pi-rút.
- B. thảm tre.
- C. đất sét.
- D. xương thú.

Bài 8 **ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI**

Câu 1. Em hãy chọn Đúng hoặc Sai cho những câu bên dưới.

Ghi Đ vào trước câu đúng, S trước câu sai.

- Bán đảo Ấn Độ nằm ở khu vực Bắc Á.
- Phía bắc Ấn Độ được bao bọc bởi dãy núi Hi-ma-lay-a.
- Dãy Vin-đi-a vùng Trung Ấn chia địa hình Ấn Độ thành hai khu vực: Bắc Ấn và Nam Ấn.
- Vùng Bắc Ấn là đồng bằng các sông Ấn và sông Trường Giang.
- Ở lưu vực sông Ấn, khí hậu mát mẻ, nhiều mưa.
- Ở lưu vực sông Hằng, đất đai màu mỡ, mưa nhiều do sự tác động của gió mùa và không có sa mạc.
- Khu vực Nam Ấn có sơn nguyên Đê-can.
- Hai thành phố cổ ở sông Hằng là Ha-ráp-pa và Môn-hen-giô Đa-rô.

Câu 2. Chọn các dữ kiện điền vào chỗ trống

- | | |
|-------------------|-------------------|
| a. điều luật. | f. phục tùng. |
| b. Dra-vi-đa. | g. người A-ri-a. |
| c. khác đẳng cấp. | h. đẳng cấp. |
| d. bờ sông Ấn. | i. đẳng cấp trên. |
| e. chủng tộc. | |

Khoảng 2500 năm TCN, người bản địa..... đã xây dựng những thành thị dọc hai bên..... Đến khoảng 1500 năm TCN, từ vùng Trung Á di cư vào Bắc Ấn, thống trị người Dra-vi-đa và thiết lập chế độ..... dựa trên sự phân biệt về..... Xã hội được chia thành các đẳng cấp với những khắt khe. Người không được kết hôn với nhau và những người thuộc đẳng cấp dưới phải người thuộc.....

Câu 3. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. *Tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn Độ là*

- A. Phật giáo.
- B. Bà La Môn giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Thiên Chúa giáo.

2. *Tôn giáo nào do Thích Ca Mâu Ni sáng lập?*

- A. Phật giáo
- B. Hin-đu giáo.
- C. Hồi giáo.
- D. Thiên Chúa giáo.

3. *Chữ viết của người Ấn Độ là*

- A. chữ La Mã.
- B. chữ tượng hình.
- C. chữ Phạn.
- D. chữ hình đinh.

4. *Tác phẩm Ra-ma-y-a-na và Ma-ha-bha-ra-ta thuộc thể loại văn học nào?*

- A. Sứ thi.
- B. Truyện ngắn.
- C. Truyền thuyết.
- D. Văn xuôi.

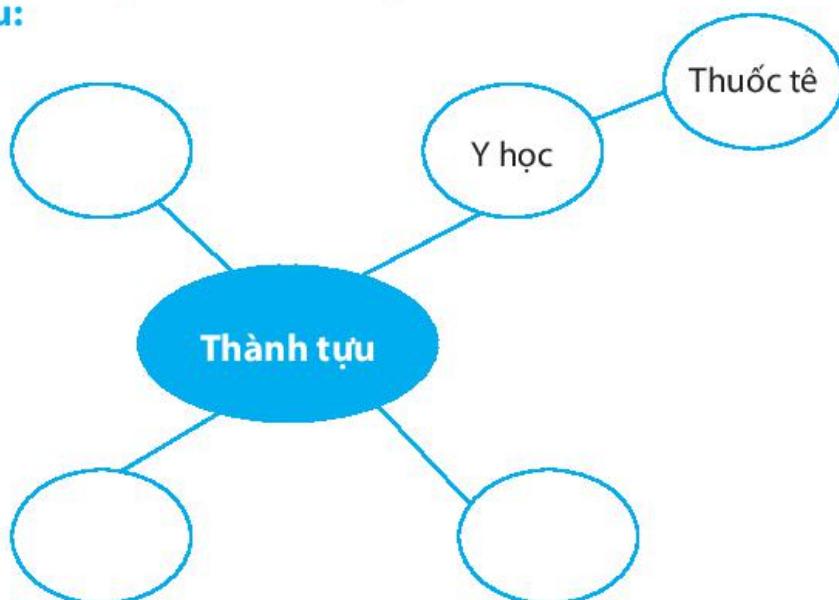
5. *Ngày nay, các chữ số từ 0 đến 9 do người Ấn Độ phát minh còn được gọi là hệ số nào?*

- A. Số Ấn Độ.
- B. Số Ả Rập.
- C. Số Hy Lạp.
- D. Số Ai Cập.

6. *Công trình kiến trúc nổi bật của Ấn Độ cổ đại là*

- A. Chùa hang A-gian-ta.
- B. Vạn Lý Trường Thành.
- C. Thành cổ A-sô-ca.
- D. Vườn treo Ba-bi-lon.

Câu 4. Vẽ sơ đồ tư duy về các thành tựu tiêu biểu của văn hóa Ấn Độ cổ đại theo gợi ý sau:



Bài 9

TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây.

Hoàng Hà dài 5464 km, là con sông lớn thứ hai ở Trung Quốc. Con sông này chứa lượng phù sa cao nhất so với các con sông khác trên thế giới. "Một bát nước Hoàng Hà, nửa bát phù sa". Lưu vực Hoàng Hà là nơi khởi nguồn của văn minh Trung Hoa, là kinh đô của 4 triều đại: Chu, Tần, Hán, Đường; là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá của Trung Quốc suốt một thời kì dài. Đây cũng là nơi ra đời của nhiều phát minh nổi tiếng: đồ gốm, đồ đồng, lụa, giấy,....

Em hãy cho biết:

1. *Cụm từ nào cho thấy nguồn nước Hoàng Hà rất thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp?*

.....
.....
.....
.....
.....
.....

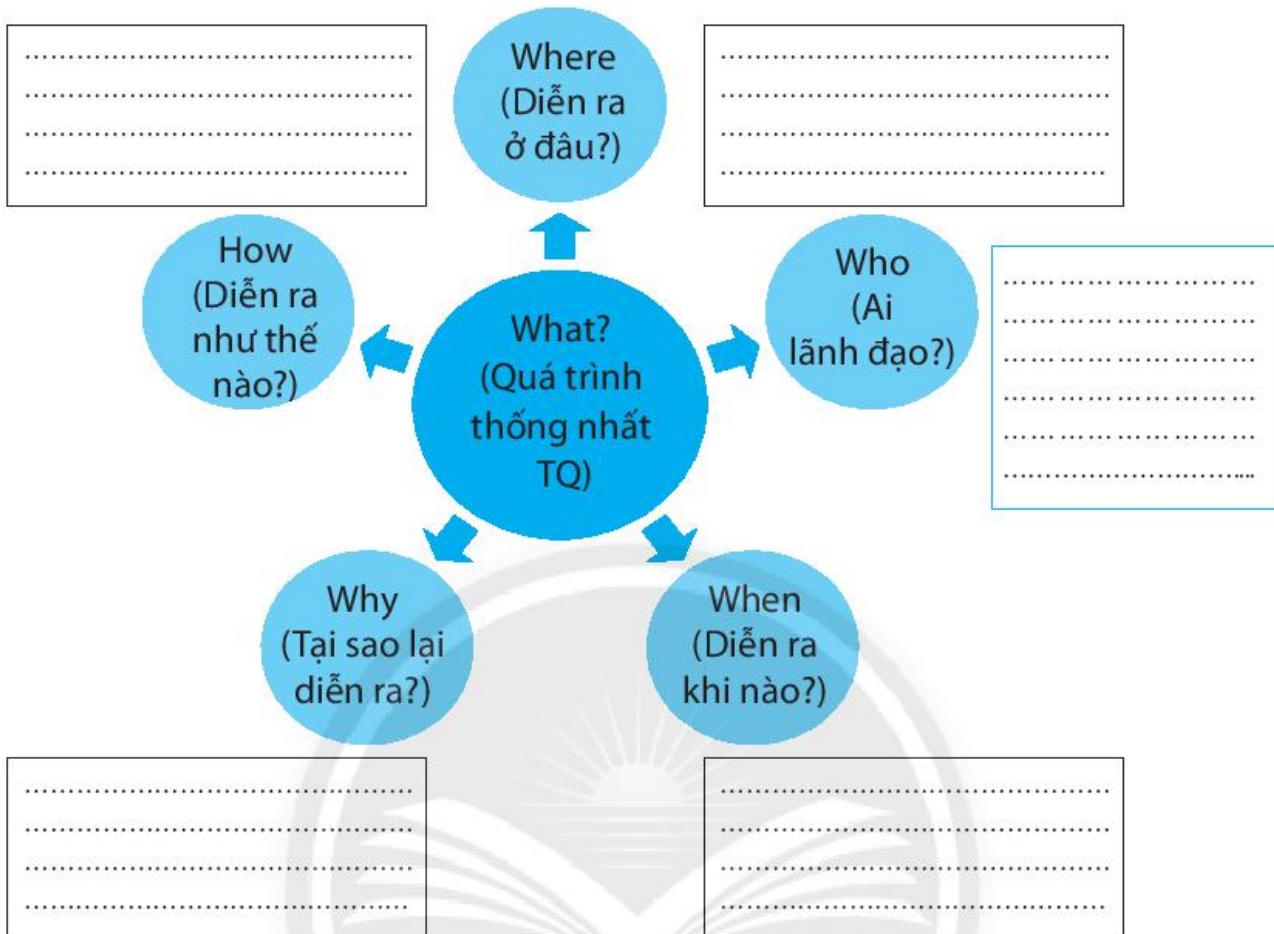
2. *Những cụm từ nào cho thấy tầm quan trọng của lưu vực Hoàng Hà với sự phát triển của văn minh Trung Quốc?*

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. *Hình ảnh Hoàng Hà gợi nhớ cho em về con sông nào ở miền Bắc Việt Nam cũng có những đặc điểm tương tự?*

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 2. Hãy hoàn thiện sơ đồ 5W1H về quá trình thống nhất đất nước của Tần Thuỷ Hoàng.



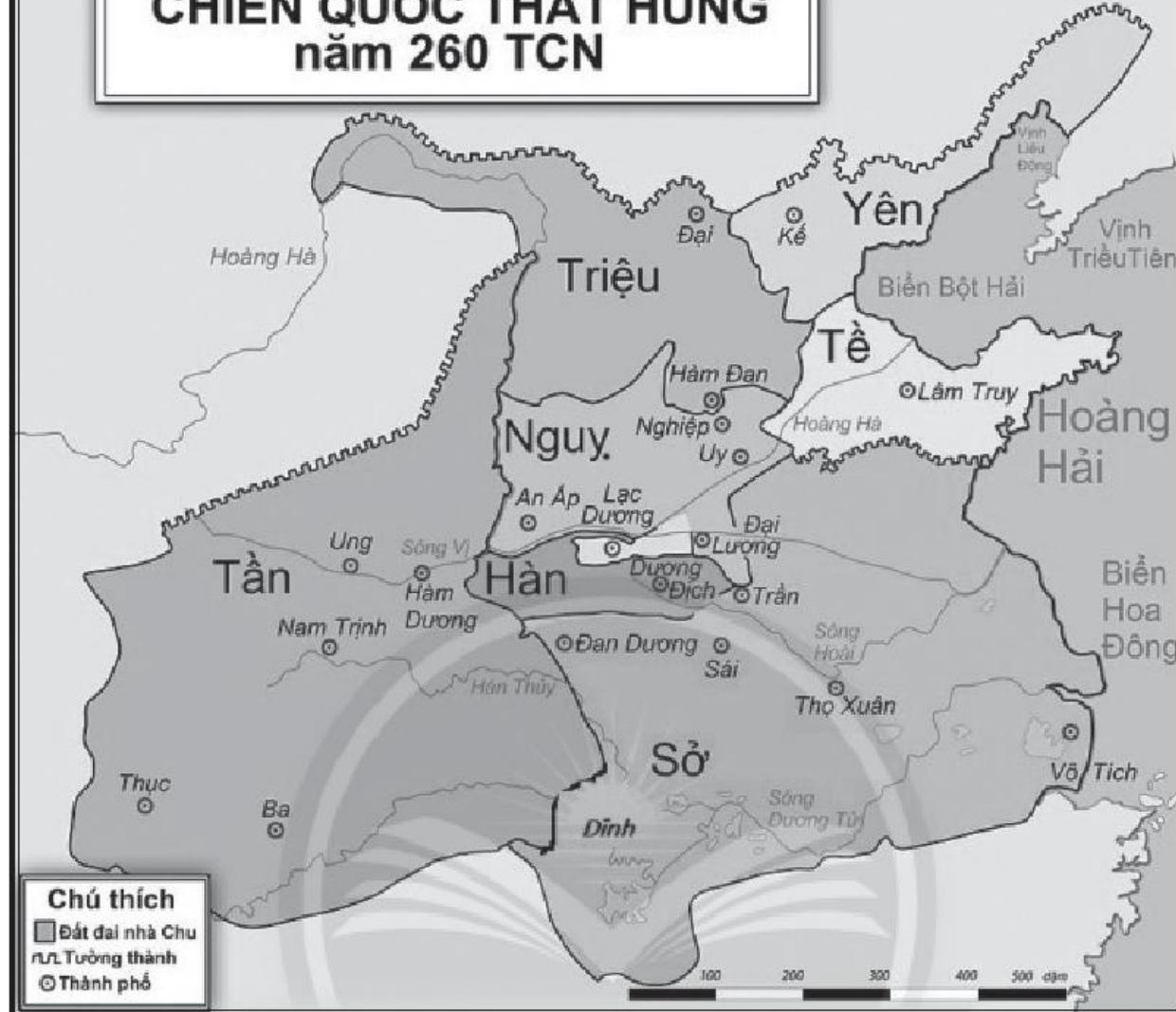
Câu 3. Cho bảng thống kê sau.

Niên đại tiêu diệt 6 nước của nhà Tần		
Năm	Tên nước	Kinh đô
Năm 230 TCN	Hàn	Dương Địch
Năm 228 TCN	Triệu	Hàm Đan
Năm 225 TCN	Ngụy	An Ấp
Năm 223 TCN	Sở	Dĩnh
Năm 222 TCN	Yên	Kế
Năm 221 TCN	Tề	Lâm Truy

1. Dựa vào bảng thống kê và bản đồ “Chiến quốc thất hùng”, em hãy vẽ các đường mũi tên thể hiện sự chinh phục lần lượt các nước của Tần Doanh Chính.

(Gợi ý: Các đường mũi tên đó xuất phát từ Hàm Dương (kinh đô nước Tần) đến kinh đô các nước. Trên đường mũi tên ghi chú lần lượt năm các nước bị tiêu diệt).

CHIẾN QUỐC THẮT HÙNG năm 260 TCN



2. Em hãy tính Tần Doanh Chính mất bao nhiêu năm để tiêu diệt được 6 nước, thống nhất Trung Quốc?

Câu 4. Em hãy cho biết ý nghĩa của những từ khoá sau đây.

Từ khoá	Ý nghĩa
Hoàng Hà	
Tần Thuỷ Hoàng	
Khổng Tử	
Kinh Thi	
Giáp cốt	
Kĩ thuật làm giấy	
Vạn Lý Trường Thành	

Câu 5. Lập sơ đồ tư duy về các thành tựu của văn minh Trung Quốc theo mẫu dưới đây.



Bài 10 HY LẠP CỔ ĐẠI

Câu 1. Từ những thông tin về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp cổ đại, em hãy cho biết:

1. Tại sao cuộc sống của người Hy Lạp cổ đại phụ thuộc vào biển?

.....
.....
.....
.....

2. Những nghề nghiệp nào của người Hy Lạp cổ đại mà em có thể suy ra từ sự phụ thuộc này?

.....
.....
.....
.....

3. Điều gì về vị trí địa lý của Hy Lạp cho phép nó trở thành một quốc gia thương mại lớn?

.....
.....
.....
.....

Câu 2. Từ những thông tin ở trang 54 và 55 trong SGK liên quan đến tổ chức nhà nước ở A-ten, em hãy cho biết:

1. Nhà nước A-ten có những cơ quan chính nào?

.....
.....
.....
.....

2. Cơ quan nào được quyết định việc bầu cử, bốc thăm bổ nhiệm các chức vụ của nhà nước? Ý nghĩa của việc đó là gì?

.....
.....
.....
.....
.....

3. Những ai thực sự được tham gia bầu cử và bầu chọn?

.....
.....
.....
.....
.....

4. Những ai không được tham gia bầu cử, bầu chọn?

.....
.....
.....
.....
.....

5. Nền dân chủ A-ten có thực sự là chế độ dân chủ? Hãy so sánh chế độ dân chủ của A-ten với một chế độ dân chủ ngày nay mà em cho là tiêu biểu.

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 3. Hoàn thành lược đồ dưới đây để xác định những nơi mà người Hy Lạp đã sinh sống khoảng năm 400 TCN.

1. Hãy điền vào lược đồ vị trí của biển Ê-giê, biển I-nô-ni, đảo Crét.
2. Điền tên các quốc gia thành thị sau vào lược đồ: A-ten, Xpác.
3. Điền tên hai địa danh nổi tiếng sau vào lược đồ: Ma-ra-tông và Ô-lim-pi-a.

4. Tô màu cho bản đồ. Hãy dùng màu xanh da trời cho vùng biển và màu vàng cho đất liền.

5. Tham khảo thêm các thông tin để viết một câu chuyện lịch sử ngắn về một trong hai địa danh: Ma-ra-tông và Ô-lim-pi-a.

.....

.....

.....

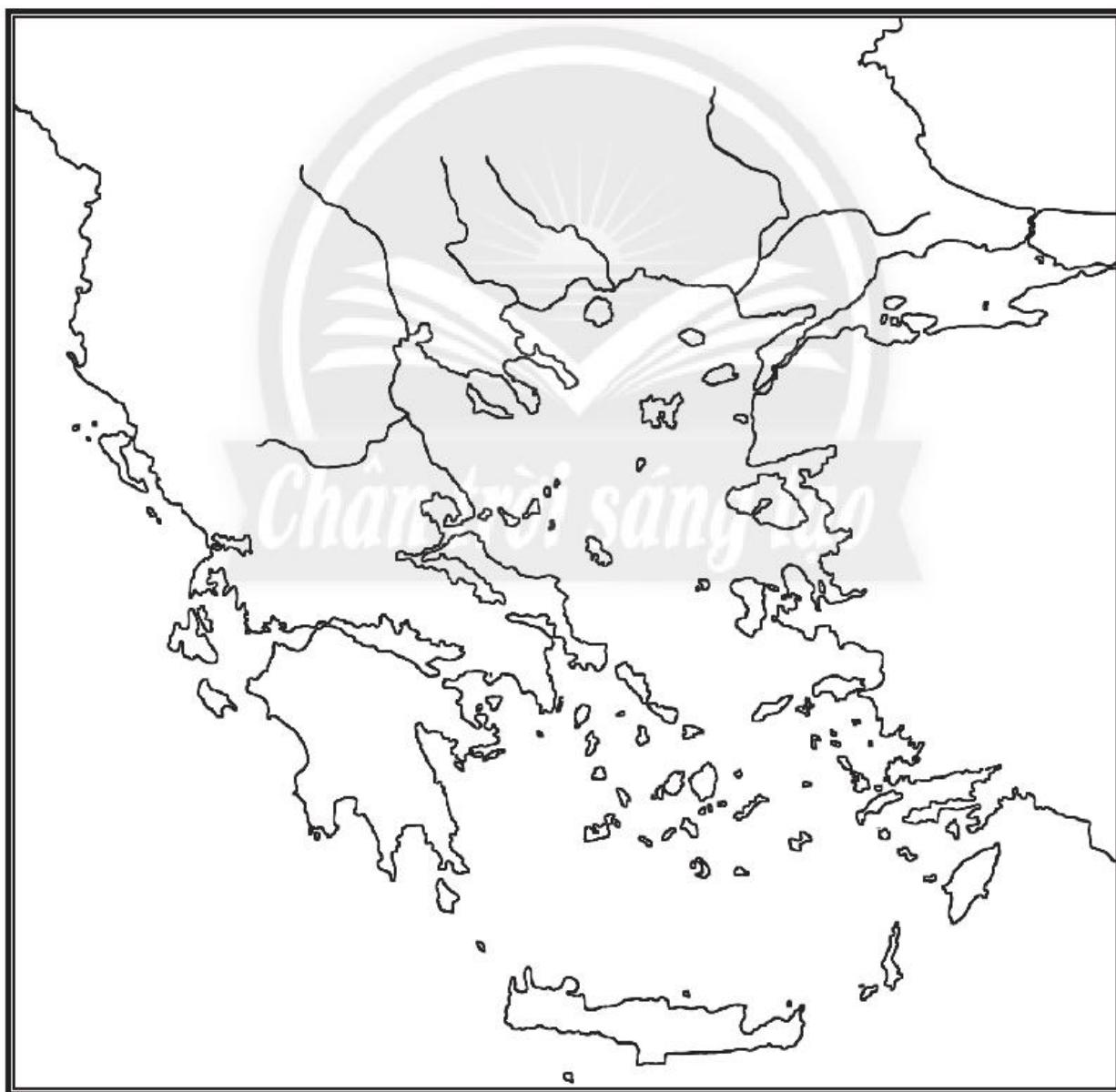
.....

.....

.....

.....

.....



Lược đồ Hy Lạp cổ đại

Câu 4. Em hãy cho biết ý nghĩa của những từ khoá sau đây.

Từ khoá	Ý nghĩa
Pi-rê	
Thành bang	
Đại hội nhân dân	
I-li-át và Ô-đi-xê	
Pác-tê-nông	
Pi-ta-go	
Hê-rô-đốt	

Câu 5. Đọc đoạn văn bên dưới và cho biết: Ác-si-mét đã ứng dụng kiến thức khoa học vào thực tế như thế nào?

Ác-si-mét (287 TCN – 212 TCN) là nhà khoa học Hy Lạp cổ đại đi tiên phong trong việc ứng dụng kiến thức toán học và vật lí vào thực tế. Ví dụ, ông đã sử dụng kĩ thuật đòn bẩy, ròng rọc,... của vật lí để chế tạo vũ khí phòng thủ. Khi người La Mã tấn công Syracuse (quê hương của ông) trên đảo Xi-xin thuộc nước Ý ngày nay), Ác-si-mét đã chế tạo các thiết bị để đánh trả họ. Theo nhà sử học Plu-tác (Plutarch) của La Mã cổ đại, vũ khí của Ác-si-mét hiệu quả đến nỗi nếu người La Mã “có nhìn thấy một sợi dây thừng nhỏ hoặc một mảnh gỗ trên tường... họ đã quay lưng và bỏ chạy”.

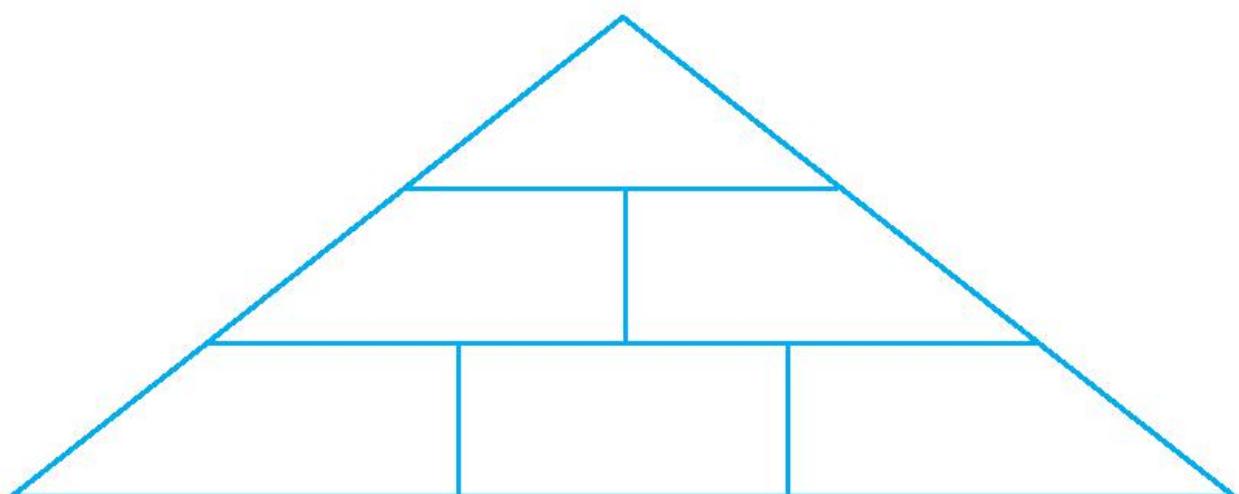
.....

.....

.....

Câu 6. Theo thứ tự từ đáy lên đỉnh, em hãy viết ra:

1. Ba điều em đã học được từ bài Hy Lạp cổ đại.
2. Hai điều mà em thấy thú vị nhất qua bài học này.
3. Một điều từ bài Hy Lạp cổ đại, em có thể áp dụng vào cuộc sống.



Bài 11 LA MÃ CỔ ĐẠI

Câu 1. Rô-ma là thủ đô của quốc gia nào hiện nay?

- A. Pháp.
- B. Đức.
- C. I-ta-li-a.
- D. Anh.

Câu 2. So sánh sự giống nhau và khác nhau về điều kiện tự nhiên của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

Nội dung so sánh	Hy Lạp	La Mã
Giống nhau		
Khác nhau		

Câu 3. Ốc-ta-vi-út Xê-da nổi tiếng ở La Mã cổ đại vì điều gì?

- A. Người giết Giu-li-út Xê-da.
- B. Người thành lập thành phố Rô-ma.
- C. Hoàng đế đầu tiên của đế chế La Mã.
- D. Hoàng đế cuối cùng của đế chế La Mã.

Câu 4. Hãy hoàn thiện hồ sơ về nhân vật lịch sử sau đây.

Nhân vật	Việc làm/Chính sách	Ý nghĩa
Ốc-ta-vi-út Xê-da		

Câu 5. Bê tông là một trong những phát minh tiêu biểu của người La Mã. Em hãy lập một hồ sơ về thành tựu này theo các mục sau đây.

Tên phát minh	
Phát minh thuộc lĩnh vực	
Tác giả của phát minh	
Ý nghĩa của phát minh đối với xã hội đương thời	
Ý nghĩa của phát minh đối với xã hội ngày nay	

Câu 6. Em hãy cho biết ý nghĩa của những từ khoá sau đây.

Từ khóa	Ý nghĩa
Đế chế	
Viện Nguyên lão	
Ốc-ta-vi-út Xê-da	
Chữ La-tinh	
Đấu trường Cô-li-dê	

CHƯƠNG

4

ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

Bài 12

CÁC VƯƠNG QUỐC Ở ĐÔNG NAM Á TRƯỚC THẾ KÌ X

Câu 1. Tham khảo thêm bản đồ 12.1 (SGK), em hãy liệt kê tên của các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á hiện nay; nêu một đặc điểm mà em biết được về mỗi quốc gia đó?

Câu 2. Xác định vị trí địa lí của các vương quốc cổ trong hai bảng dưới đây.

Bảng 1:

Tên các vương quốc cổ	Vị trí
Pê-gu	
Tha-tơn	
Chân Lạp	
Phù Nam	
Đồn Tốn	

Bảng 2:

Tên các vương quốc cổ	Vị trí
Chăm-pa	
Xích Thố	
Tu-ma-sic	
Ma-lay-u	
Ta-ru-ma	

Em rút ra được những đặc điểm chung gì về vị trí địa lí của các quốc gia trong mỗi bảng?

Bảng 1:

Bảng 2:

Vị trí địa lí đem lại thuận lợi gì cho sự ra đời và phát triển của các vương quốc cổ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Quá trình ra đời và phát triển của các vương quốc ở Đông Nam Á trước thế kỉ X gắn với sự phát triển của những ngành kinh tế nào? Hãy nêu vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên dẫn đến sự phát triển đó?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Quan sát lược đồ và hoàn thành các yêu cầu bên dưới:



**Lược đồ vị trí các vương quốc cổ Đông Nam Á
từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII**



Lược đồ vị trí các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

1. Dùng bút chì khoanh phạm vi vùng nào phát triển nhất khu vực trước và sau thế kỉ VII.
 2. Vương quốc nào đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển của lịch sử khu vực ở mỗi giai đoạn?
-
-
3. Đánh dấu những địa danh nào là trung tâm văn hoá, kinh tế quan trọng của lịch sử khu vực trong hai giai đoạn đó? (nhớ ghi lại thời gian tồn tại bên cạnh tên địa danh).

Bài 13

GIAO LƯU THƯƠNG MẠI VÀ VĂN HÓA Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỶ X

Câu 1. Em hãy chọn **Đúng** hoặc **Sai** cho những câu bên dưới.

Ghi **D** vào trước câu đúng, **S** trước câu sai.

- Giao lưu thương mại với thuyền buôn đến từ Ấn Độ, Trung Hoa đã dẫn đến sự hình thành các thương cảng ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên.
- Sự giàu có về sản vật nên đã dẫn đến sự ra đời những thương cảng như Óc Eo, Trà Kiệu, Pa-lem-bang.
- Sự giàu có về sản vật đã thu hút các thuyền buôn ngoài khu vực đến Đông Nam Á từ đầu Công nguyên.

Câu 2. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. *Tác động của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á đầu Công nguyên là gì?*

- A. Hình thành nên thương cảng Óc Eo.
- B. Giúp cho người Trung Hoa xuống Đông Nam Á làm ăn buôn bán.
- C. Thúc đẩy những cuộc chiến tranh trong nội bộ khu vực.
- D. Tác động trực tiếp đến sự ra đời và phát triển của các vương quốc cổ.

2. *Những mặt hàng chủ yếu nào được dùng trong trao đổi và buôn bán ở Đông Nam Á mười thế kỷ đầu Công nguyên?*

- A. Dầu ô liu và rượu nho.
- B. Đồ gốm.
- C. Hồ tiêu, đậu khấu, trầm hương, san hô, ngọc trai.
- D. Trầm hương, nước mắm.

3. *Nền văn hóa có ảnh hưởng nhiều nhất khu vực Đông Nam Á mười thế kỷ đầu Công nguyên là:*

- A. văn hóa Ấn Độ.
- B. văn hóa Trung Hoa.
- C. văn hóa La Mã.
- D. văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa.

Câu 3. Em hãy quan sát lược đồ 13.4 trang 68 trong SGK để trả lời những câu bên dưới.

Giả sử vào thế kỉ VI, một nhà buôn Trung Quốc có nhu cầu thu gom sản vật ở Đông Nam Á, rồi đem qua Ấn Độ đổi lấy hàng hoá. Thuyền của ông ta sẽ đi qua những vùng biển nào? Thuyền có thể dừng ở đâu để tiếp nước ngọt, đồ ăn hay trao đổi hàng hoá lấy sản vật của cư dân bản địa?

Giả sử vào thế kỉ IX, một nhà buôn khác cũng có nhu cầu đi từ Trung Quốc qua Ấn Độ, hành trình của ông ta có gì thay đổi?

Câu 4. Đông Nam Á ngày nay đang là một điểm đến hấp dẫn du khách quốc tế. Các công ty du lịch cần mua một bộ hồ sơ về hai điểm đến du lịch văn hoá của khu vực Đông Nam Á có những công trình kiến trúc cổ nhất còn lại đến ngày nay. Em hãy xây dựng bộ hồ sơ về hai công trình kiến trúc đó theo những gợi ý sau:

**HỒ SƠ
ĐIỂM ĐẾN
DU LỊCH
VĂN HÓA
ĐÔNG NAM Á**



Thông tin về điểm đến.

– Địa điểm (Thành phố/tỉnh/bang; quốc gia):
.....

– Thời gian xây dựng:

– Mục đích xây dựng:

– Câu chuyện lịch sử:

– Lưu ý khi tham quan:

– Lý do lựa chọn điểm đến:

VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X

Bài 14 NHÀ NƯỚC VĂN LANG, ÂU LẠC

Câu 1. Em hãy nối các dữ kiện phù hợp ở các cột A, B, C, D và viết lại thành câu về sự ra đời của hai nhà nước Văn Lang, Âu Lạc.

Cột A	Cột B	Cột C	Cột D
Phong Châu	Hùng Vương	Thế kỉ III TCN	Văn Lang
Phong Khê	Thục Phán An Dương Dương	Thế kỉ VII TCN	Âu Lạc

Câu 2. Em hãy xác định các mốc thời gian gắn với những sự kiện lịch sử quan trọng của thời kì Văn Lang, Âu Lạc theo bảng dưới đây.

Thời gian	Sự kiện lịch sử
	Nhà nước Văn Lang thành lập.
	Quân Tần đánh xuống vùng đất sinh sống của các bộ tộc Việt.
	Kháng chiến chống Tần kết thúc, Thục Phán xưng là An Dương Vương, lập nước Âu Lạc.
	Âu Lạc bị Triệu Đà sáp nhập vào Nam Việt.

Câu 3. Quan sát hình 14.2 trong SGK, em hãy điền những từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống về tổ chức của nhà nước Văn Lang.

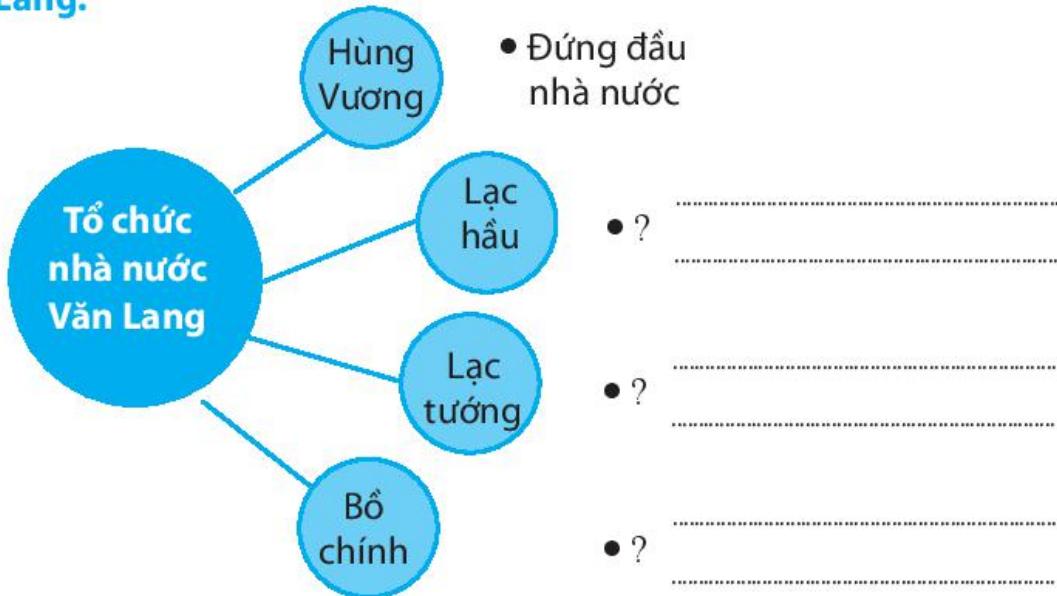
Thế kỷ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc đã thu phục các bộ lạc khác, lập ra nhà nước đóng đô ở (Việt Trì, Phú Thọ). Đứng đầu nhà nước là, giúp việc cho vua là các Ông chia nước thành 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là Đứng đầu chiềng, chạ là các

Nhà nước chưa có luật pháp và Khi có chiến tranh, nhà nước huy động thanh niên trai tráng ở các tập hợp lại cùng chiến đấu.

Câu 4. Quan sát hình 14.3 và sơ đồ 14.4 trong SGK, tưởng tượng là một hướng dẫn viên du lịch, em sẽ chọn giới thiệu điều gì về di tích thành Cổ Loa? Hãy viết một đoạn văn ngắn về điều em muốn nói.

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Câu 5. Hoàn thành sơ đồ tư duy theo mẫu bên dưới về tổ chức nhà nước Văn Lang.



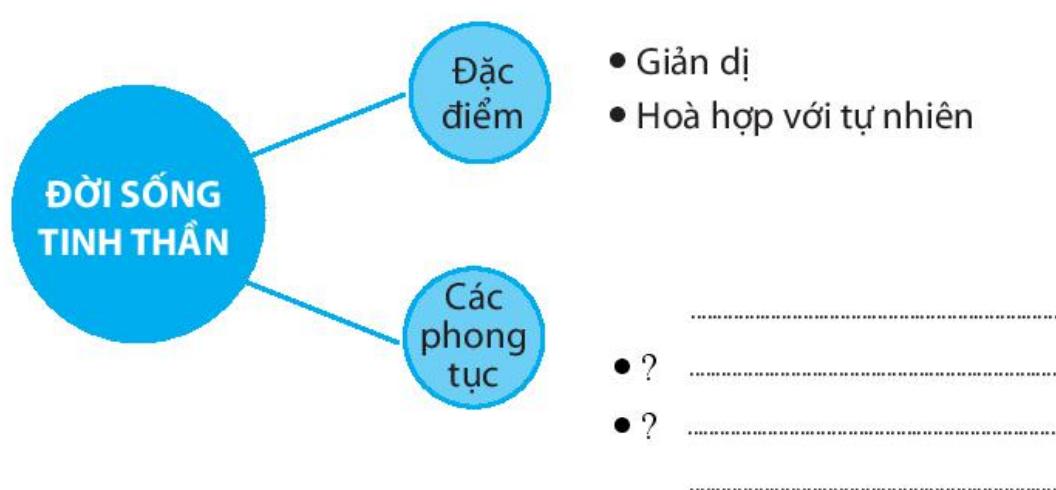
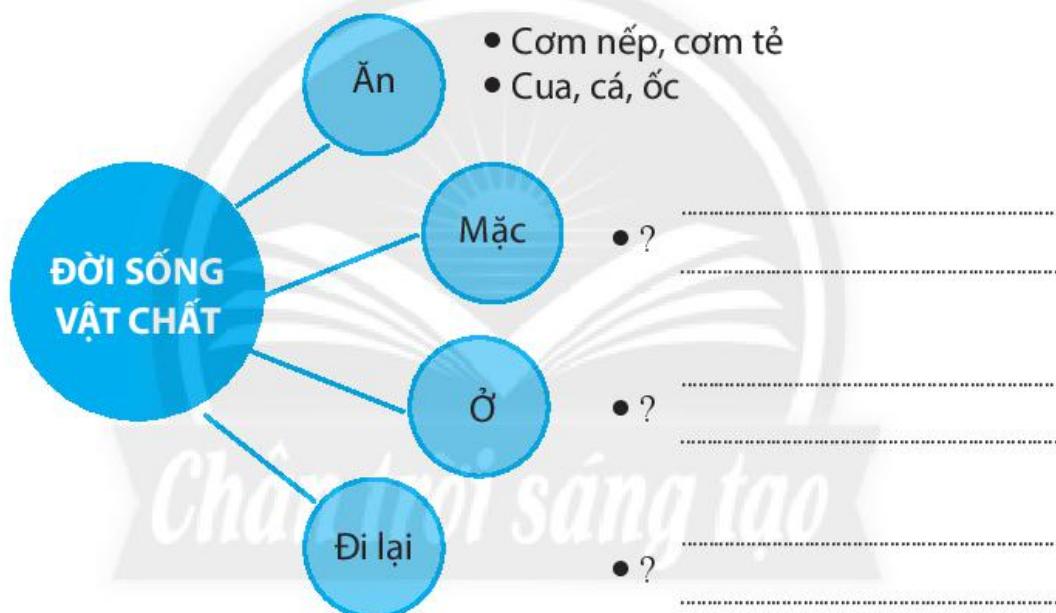
Bài 15

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT THỜI KÌ VĂN LANG, ÂU LẠC

Câu 1. Hiện vật nào tiêu biểu cho tài năng và kĩ thuật chế tác đồ đồng của con người thời kì Văn Lang, Âu Lạc?

- A. Đồ gốm.
- B. Rìu đá Bắc Sơn.
- C. Công cụ đá.
- D. Trống đồng.

Câu 2. Hoàn thành sơ đồ tư duy theo mẫu bên dưới về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.



Câu 3. Kể tên những phong tục của cư dân Văn Lang, Âu Lạc còn được lưu giữ đến ngày nay?

Câu 4.

Để “đọc” được những hình chạm khắc trên trống đồng thời kì văn hoá Đông Sơn thật sự không đơn giản. Ví dụ, chúng ta biết đó là những con chim đang bay thành vòng tròn trên mặt trống nhưng không rõ đó có phải là chim Lạc như ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu hay không? Nhiều hình khắc có thể được nhận biết và mô tả nhưng không dễ giải mã ý nghĩa của chúng. Dù vậy, trải nghiệm quá khứ bằng cách quan sát và phân tích những hình chạm khắc của người xưa vẫn là một phương pháp thực sự thú vị và hiệu quả khi các em học lịch sử.



Nhìn vào một số hình chạm khắc trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (xem trang 48), hãy chọn một hình mà em thích, sau đó mô tả nó theo những gợi ý sau:

1. Tìm hiểu xuất xứ của trống đồng Ngọc Lũ (tham khảo thêm mục *Em có biết* trang 78 SGK).

.....
.....

2. Hình ảnh đó diễn tả cảnh gì hay vật gì?

.....
.....
.....
.....
.....
.....

3. Những thông tin gì về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc được thể hiện qua những hình ảnh đó?

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bài 16

CHÍNH SÁCH CAI TRỊ CỦA PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA VIỆT NAM THỜI KÌ BẮC THUỘC

Câu 1. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Trong tổ chức cai trị, chính sách của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước Âu Lạc là gì?

- A. Chia đất nước ta thành các quận, cử quan lại đến cai trị.
- B. Chiếm đoạt ruộng đất, bắt dân ta cống nạp sản vật quý, hương liệu, vàng bạc,...
- C. Tăng cường thuế khoá và lao dịch nặng nề.
- D. Tìm cách xoá bỏ những phong tục tập quán của người Việt.

2. Chính quyền đô hộ phong Bác đã thi hành chính sách độc quyền về

- A. ruộng đất.
- B. muối, sắt.
- C. thu thuế.
- D. thương nghiệp.

3. Chính quyền đô hộ phong Bắc truyền bá Nho giáo, tư tưởng lễ giáo phong kiến Trung Quốc vào Việt Nam nhằm mục đích gì?

- A. Để khai hoá văn minh cho dân tộc ta.
- B. Để đào tạo ra tầng lớp người tài, phục vụ cho chính quyền đô hộ.
- C. Để phát triển văn hoá Hán trên lãnh thổ nước ta.
- D. Để nô dịch và đồng hoá nhân dân ta.

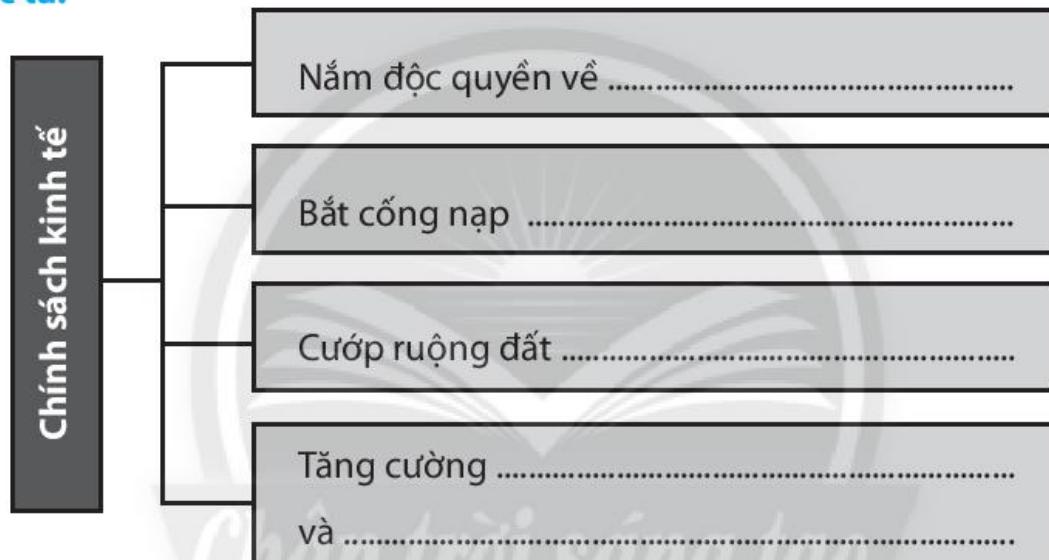
4. Mâu thuẫn bao trùm trong xã hội nước ta thời Bắc thuộc là

- A. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với chính quyền đô hộ.
- B. mâu thuẫn giữa nhân dân ta với quý tộc người Việt.
- C. mâu thuẫn giữa quý tộc Việt với chính quyền đô hộ.
- D. mâu thuẫn giữa nông dân Việt với chính quyền đô hộ.

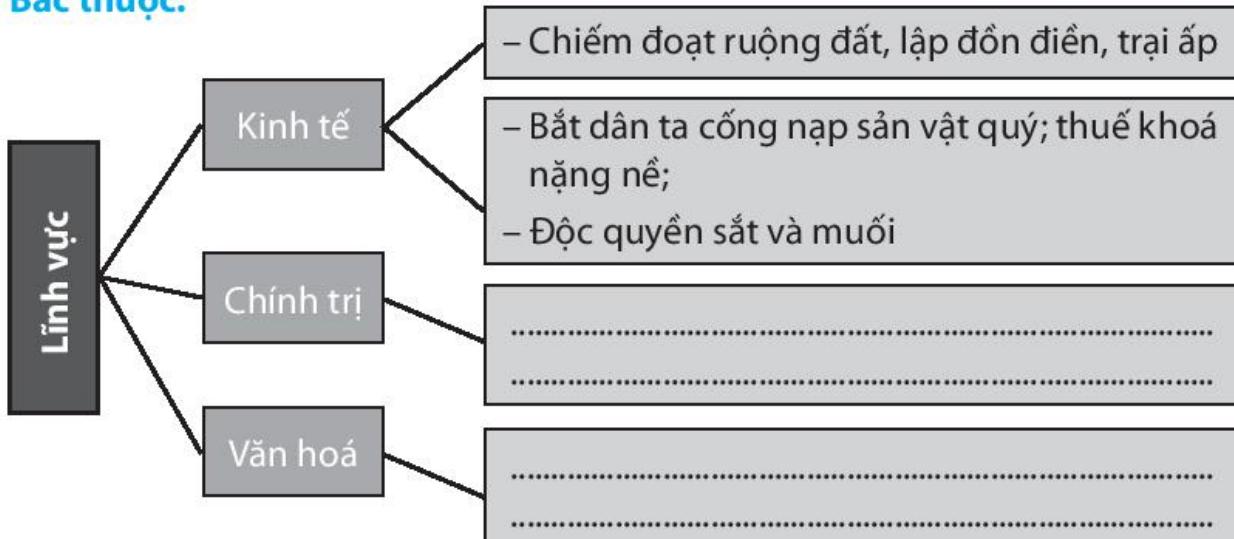
Câu 2. Dựa vào thông tin trong cột A, em hãy đánh dấu (X) vào cột B các chính sách thể hiện chính sách đồng hóa về văn hóa của chính quyền đô hộ phong kiến Bắc đối với nước ta.

A	B
Bắt nộp những thứ lâm, thổ sản quý.	
Truyền bá Nho giáo.	
Cướp ruộng đất lập đồn điền.	
Đưa người Hán đến ở lấn với người Việt.	
Bắt nhân dân ta thay đổi phong tục, tập quán.	

Câu 3. Em hãy điền vào chỗ trống những từ và cụm từ thể hiện chính sách bóc lột kinh tế của chính quyền phong kiến đô hộ phong kiến Bắc đối với nước ta.



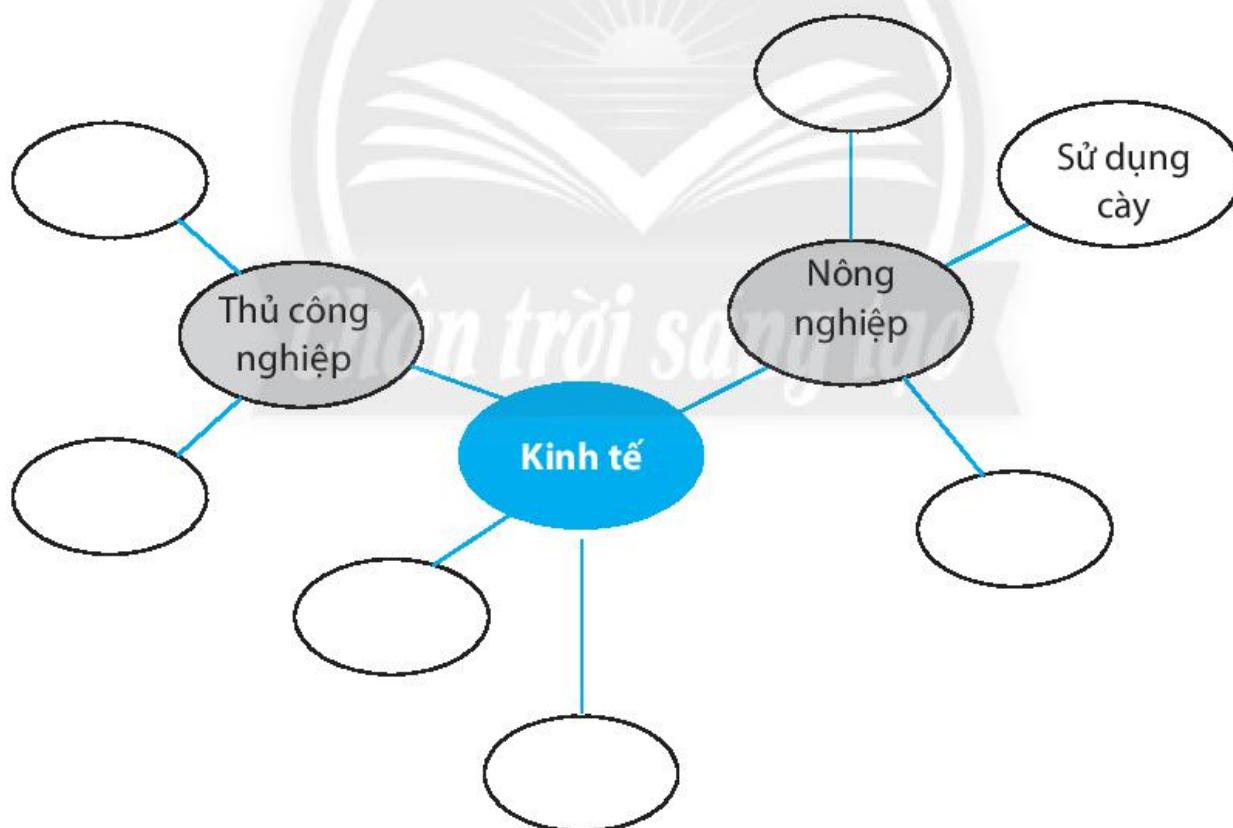
Câu 4. Hoàn thành sơ đồ tư duy theo mẫu bên dưới về các chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc đối với Giao Châu – An Nam trong thời Bắc thuộc.



Câu 5. Dựa vào thông tin ở cột A, em hãy điền vào cột B tên của các chính sách cai trị trong lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hoá của chính quyền phong kiến phương Bắc ở nước ta.

A. Chính sách	B. Lĩnh vực
1. Truyền bá Nho giáo.	
2. Bắt nhân dân ta phải thay đổi phong tục.	
3. Đưa người Hán đến ở lấn với người Việt.	
4. Sáp nhập Âu Lạc thành quận, huyện của Trung Quốc.	

Câu 6. Dựa vào mục 1 phần II trong SGK, em hãy vẽ một sơ đồ tư duy theo gợi ý bên dưới để trình bày về tình hình kinh tế của nước ta trong thời Bắc thuộc.



Bài 17

ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA DÂN TỘC THỜI BẮC THUỘC

Câu 1. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. Những biểu hiện nào cho thấy chính sách đồng hóa của phong kiến phương Bắc đối với nước ta đã thất bại?

- A. Những cuộc đấu tranh chống lại phong kiến phương Bắc.
- B. Tiếng Việt, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, phong tục tập quán vẫn được bảo tồn.
- C. Đứng đầu là xã là tù trưởng, hào trưởng người Việt.
- D. Lễ hội diễn ra thường xuyên.

2. Yếu tố tích cực nào của văn hóa Trung Hoa được truyền bá vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

- A. Nhuộm răng đen.
- B. Làm bánh chưng.
- C. Chữ viết.
- D. Tôn trọng phụ nữ.

3. Yếu tố kỹ thuật nào của Trung Quốc được truyền vào nước ta trong thời Bắc thuộc?

- A. Làm giấy.
- B. Đúc trống đồng.
- C. Làm gốm.
- D. Sản xuất muối.

4. Trung tâm Phật giáo lớn nhất ở nước ta trong thời Bắc thuộc là

- A. Tống Bình.
- B. Mê Linh.
- C. Luy Lâu.
- D. Cổ Loa.

Câu 2. Theo em, trong các chính sách về văn hóa, xã hội của chính quyền đô hộ phương Bắc, chính sách nào là nguy hiểm nhất? Vì sao?

– Chính sách nguy hiểm nhất là:.....

– Vì:

Câu 3. Chọn những từ cho sẵn để điền vào chỗ trống trong đoạn văn bên dưới.

nhuộm răng, ăn trầu, xăm mình	sáng tạo	Hán – Việt	tiếng Việt	thờ cúng tổ tiên	chủ động	làng Việt
-------------------------------------	-------------	---------------	---------------	---------------------	-------------	--------------

Thời Bắc thuộc, người Việt vừa bảo tồn văn hoá truyền thống vừa tiếp thu có chọn lọc và những giá trị văn hoá bên ngoài để phát triển nền văn hoá dân tộc. Người Việt chủ động tiếp thu chữ Hán nhưng vẫn sử dụng, dùng âm Việt để đọc chữ Hán, tạo cơ sở hình thành vốn từ ngày càng phong phú và đặc sắc. Những tín ngưỡng truyền thống như, thờ các vị thần tự nhiên,..... tiếp tục được duy trì. Ăn mình sau những luỹ tre,..... là thành trì kiên cố bảo tồn phong tục, tập quán Việt như tục nhuộm răng, ăn trầu, xăm mình.

Câu 4. Quan sát tư liệu 17.5 và 17.6 trong SGK, em hãy cho biết yếu tố văn hoá nào du nhập từ bên ngoài đã được nhân dân ta tiếp thu có chọn lọc?

Các yếu tố văn hoá bên ngoài du nhập vào được nhân dân ta tiếp thu có chọn lọc là:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Đánh dấu (X) vào cột B những đáp án đúng với nguyên nhân các triều đại phong kiến phương Bắc không thực hiện được mục đích đồng hoá nhân dân ta trong thời Bắc thuộc.

A	B
a. Tinh thần đấu tranh bền bỉ, bất khuất của nhân dân ta.	
b. Phong kiến phương Bắc không khống chế được làng xã Việt, văn hóa truyền thống của người Việt vẫn được bảo tồn.	
c. Nhân dân vừa bảo tồn văn hóa truyền thống vừa tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa bên ngoài.	
d. Nhân dân ta không chấp nhận chính sách đồng hóa của phong kiến phương Bắc.	
e. Một số yếu tố văn hóa phương Bắc du nhập sang đã bị nhân dân ta “Việt hóa”.	

Câu 6. Em hiểu thế nào về câu thơ: "Tiếng chẵng mất khi Loa thành đã mất"? (Tiếng Việt, Lưu Quang Vũ). Theo em, yếu tố nào là quan trọng nhất giúp "Ta vẫn là ta" sau hơn mươi thế kỉ mất nước?

Bài 18

CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC TRƯỚC THẾ KỈ X

Câu 1. Em hãy hoàn thành bảng sau về các cuộc đấu tranh giành độc lập tiêu biểu trước thế kỉ X.

STT	Tên người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Những địa danh quan trọng
1
2
3
4
5

Câu 2. Em hãy nối các dữ liệu bên dưới sao cho phù hợp với các cuộc đấu tranh của nhân dân ta trong thời Bắc thuộc.

1. Khởi nghĩa
Hai Bà Trưng

2. Khởi nghĩa
Bà Triệu

3. Khởi nghĩa
Lý Bí

4. Khởi nghĩa
Mai Thúc Loan

5. Khởi nghĩa
Phùng Hưng

A. “Tôi chỉ muốn cưỡi gió đạp sóng, chém cá kình lớn ở Biển Đông, quét sạch bờ cõi, cứu dân ra khỏi cảnh chìm đắm, há lại bắt chước người đời cúi đầu khom lưng làm tì thiếp kẻ khác, cam tâm phục dịch ở trong nhà ư?”

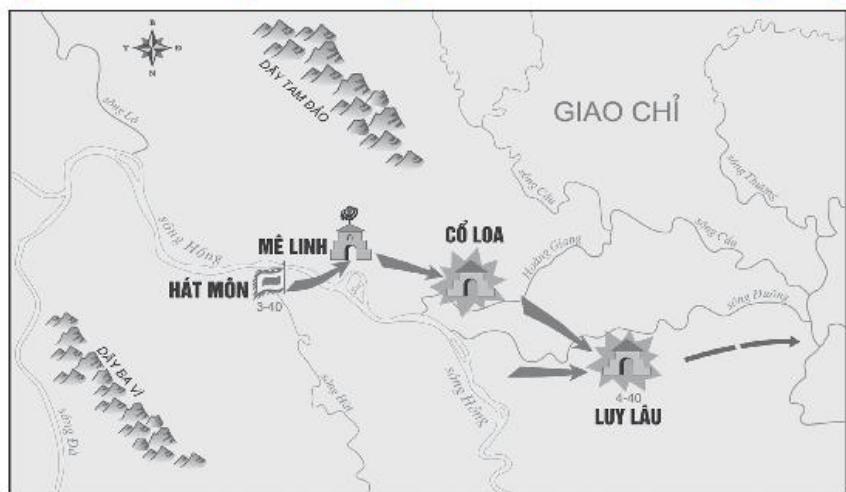
B. “dẫu sức không địch nổi giặc Lương đến nỗi công cuộc không thành, nhưng đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế, mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này....”

C. Cuộc khởi nghĩa diễn ra ở làng Đường Lâm, củng cố quyết tâm giành độc lập cho dân tộc.

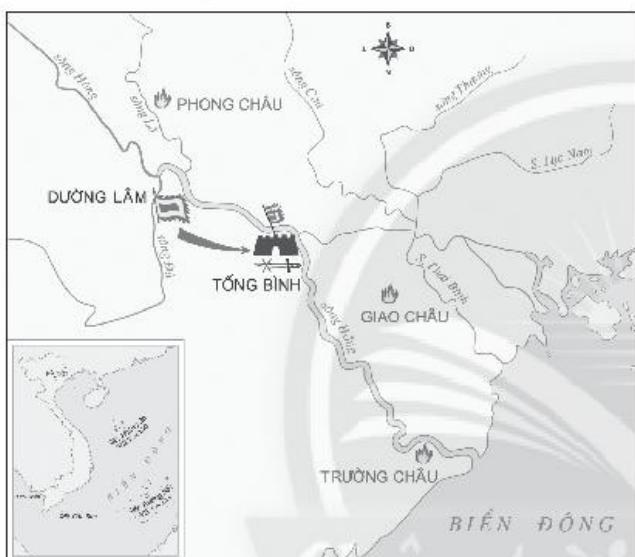
D. Cuộc khởi nghĩa giành và giữ chính quyền độc lập trong gần 10 năm (713 – 722). Đó là một cuộc khởi nghĩa lớn, đánh dấu một mốc quan trọng trên con đường chống Bắc thuộc, giành lại quyền tự chủ của nhân dân ta.

E. “Một xin rửa sạch nước thù,
Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng.
Ba kéo oan ức lòng chồng,
Bốn xin vẹn vẹn sở công lênh này”.

Câu 3. Em hãy điền tên cuộc khởi nghĩa với bản đồ tương ứng:



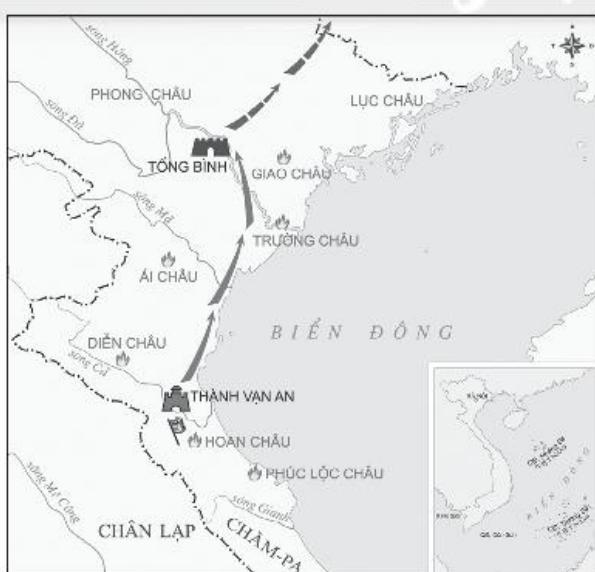
Khởi nghĩa



Khởi nghĩa



Khởi nghĩa



Khởi nghĩa

Bài 19

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

Câu 1. Chọn các dữ kiện điền vào chỗ trống

- a. tự chủ b. suy yếu c. cải cách
d. phong chức e. Khúc Hạo f. Đại La
g. xây dựng h. độc lập i. Tiết độ sứ

Từ cuối thế kỉ IX, nhà Đường..... Nhân cơ hội đó, Khúc Thừa Dụ, một hào trưởng ở Hải Dương ngày nay đã đánh chiếm thành..... và tự xưng....., xây dựng một chính quyền..... Năm 906, nhà Đường buộc phảiTiết độ sứ cho Khúc Thừa Dụ. Năm 907, Khúc Thừa Dụ mất, con trai làlên thay. Trong 10 năm (907 – 917), chính quyền Khúc Hạo đã tiến hành nhiềutiến bộ, đặt nền móng cho việc chính quyền tự chủ của một nhà nướcvới phương Bắc.

Câu 2. Em hãy chọn Đúng hoặc Sai cho những câu bên dưới.

Ghi Đ vào trước câu đúng, S trước câu sai

- Mùa đông năm 930, quân Nam Hán xâm lược nước ta.
- Dương Đình Nghệ, một vị tướng cũ của Khúc Hạo, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đấu tranh chống Nam Hán.
- Từ Mê Linh, Dương Đình Nghệ xây dựng lực lượng ngày càng lớn mạnh.
- Năm 931, Dương Đình Nghệ đem quân ra tấn công thành Đại La.
- Quân Nam Hán lo sợ, vội cho người về nước xin viện binh.
- Viện binh đến bao vây và uy hiếp thành Đại La
- Quân Nam Hán đại bại, chủ tướng Hốt Tất Liệt bị chém đầu.
- Sau khi đánh tan quân Nam Hán, Dương Đình Nghệ tự xưng Hoàng đế, khôi phục nền tự chủ.

Câu 3. Hai tư liệu dưới viết về trận Bạch Đằng năm 938. Cả hai đều được viết vào thế kỉ XIII – XV.

"Định kể rồi (Ngô Quyền) bèn cho đóng cọc ở hai bên cửa biển. Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoằng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cắm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên, Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết. [Quân Hoằng Tháo] không kịp sửa thuyền mà nước triều rút xuống rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt được Hoằng Tháo giết đi. Vua Hán thương khóc, thu nhặt quân lính còn sót rút về".

(*Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 203 – 204)

"Khi Hoằng Tháo tới Giao Châu, Ngô Quyền đã giết Công Tiễn, rồi đem quân đón đánh Tháo. Trước đó, Ngô Quyền đã cho cắm cọc vót nhọn và bọc sắt ở cửa biển rồi, khiến người đem thuyền nhẹ, chờ khi nước thuỷ triều dâng lên thì khiêu chiến, giả thua, chạy trốn. Hoằng Tháo đuổi theo, một lát sau, thuỷ triều xuống, các chiến thuyền của Tháo bị mắc cọc, không trở về được, khiến cho quân bị tan rã và chết đuối. Khi ấy, Nghiêm (tên của vua Nam Hán – người dẫn) tới đồn trú ở cửa biển để cứu trợ, nhưng nghe nói Tháo bị thất trận, bèn trở về".

(Lê Tắc, *An Nam chí lược*, thế kỉ XIV – bản dịch tiếng Việt)

Hoàn thành các câu hỏi dưới đây sẽ giúp em xác minh tính chính xác về những gì đã xảy ra trong trận Bạch Đằng năm 938.

1. Điểm gì khác nhau trong nội dung hai văn bản?

.....

.....

.....

2. Những thông tin gì mô tả trận đánh mà hai tư liệu đều giống nhau?

.....

.....

.....

3. Em hãy viết ra 5 câu mà em có ấn tượng nhất, rút từ hai tư liệu đó để mô tả về trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938.

.....

.....

.....

Câu 4. Đánh giá về chiến thắng Bạch Đằng, hai bộ cổ sử lớn nhất của thời kì phong kiến Việt Nam viết như sau.

"Tiền Ngô Vương có thể lấy quân mới họp của nước Việt ta mà đánh tan được trăm vạn quân của Lưu Hoằng Tháo, mở nước xưng vương. Làm cho người phương Bắc không dám sang lại nữa. Có thể nói là một lần nổi giận mà yên được dân, mưu giỏi mà đánh giặc cũng giỏi vậy".

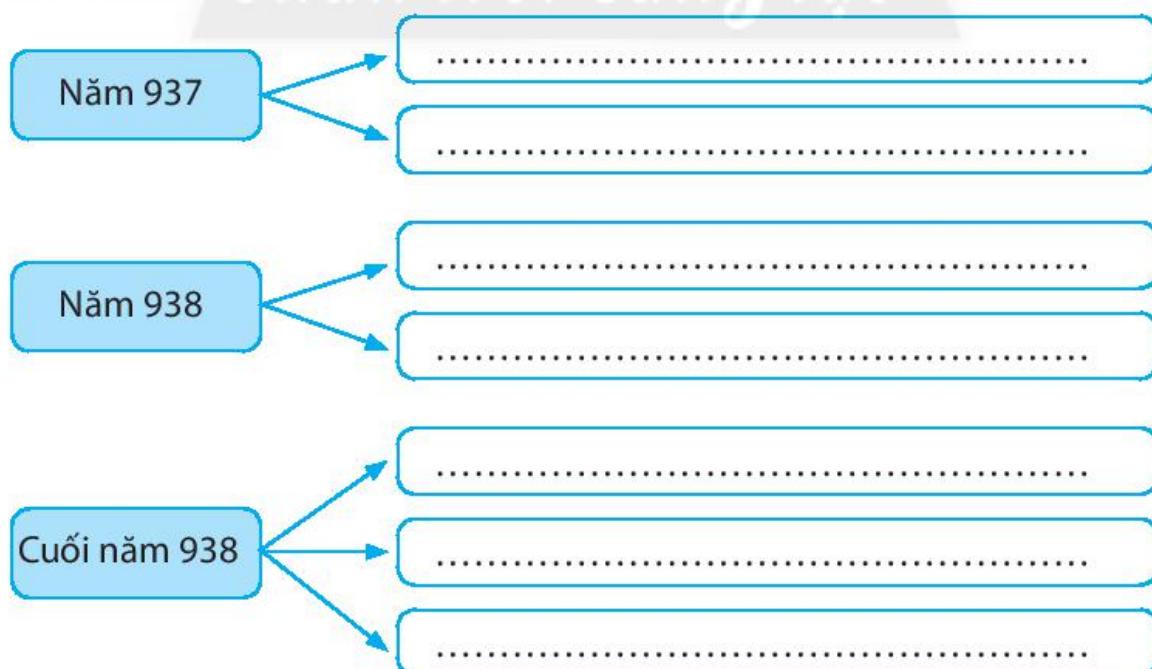
(*Đại Việt sử kí toàn thư*, tập I, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 203 – 204)

"Ngô Quyền gặp được nguy triều Nam Hán là một nước nhỏ, Hoằng Tháo là thằng hèn kém nên mới có được trận thắng trên sông Bạch Đằng. Đó là một việc may, có gì đáng khen."

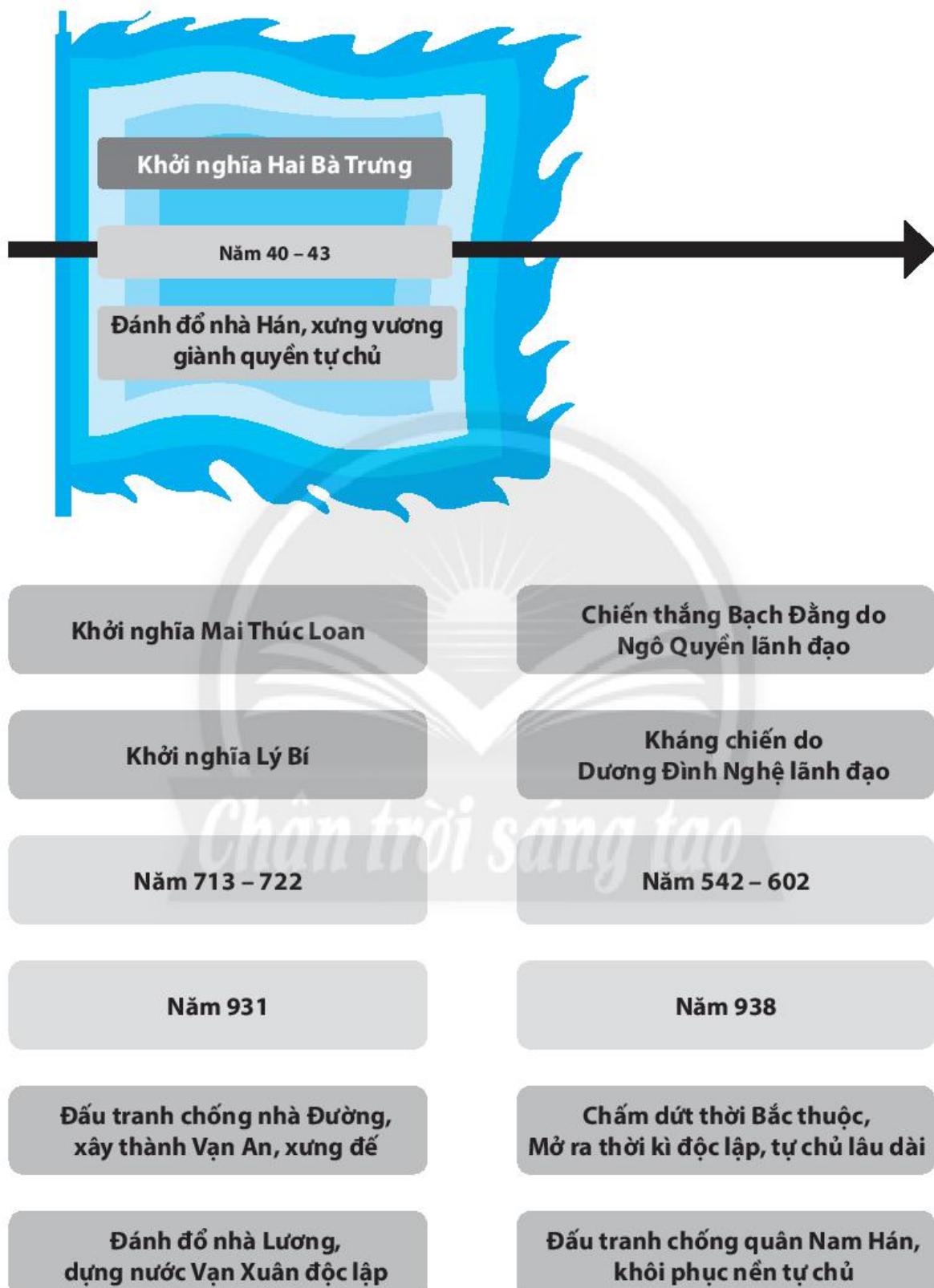
(*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập 1, NXB. Giáo dục, 2007, trang 211)

Em đồng ý với nhận định nào? Vì sao?

Câu 5. Điền sự kiện vào các chỗ trống trong sơ đồ bên dưới



Câu 6. Dựa vào sơ đồ và các thông tin dưới đây, hãy sắp xếp thời gian, kết quả đúng với tên các cuộc đấu tranh giành độc lập mà em được tìm hiểu trong hai bài 18 và 19.



Bài 20

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

Câu 1. Em hãy lựa chọn câu trả lời đúng nhất.

1. Công trình kiến trúc nào của Chăm-pa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới?
A. Tháp Pandurangar. B. Tháp Ponagar.
C. Tháp Po Klong Garai. D. Thánh địa Mỹ Sơn.
2. Chữ viết của người Chăm-pa bắt nguồn từ
A. chữ Hán của Trung Quốc. B. chữ Nôm của Việt Nam.
C. chữ Pali của Ấn Độ. D. chữ Phạn của Ấn Độ.
3. Tôn giáo nào có trong đời sống tinh thần của cả người Chăm-pa và người Việt cổ?
A. Nho giáo. B. Hồi giáo.
C. Phật giáo. D. Hindu giáo.
4. Khu di tích thánh địa Mỹ Sơn nằm ở tỉnh nào của Việt Nam ngày nay?
A. Quảng Ngãi. B. Quảng Nam.
C. Quảng Bình. D. Quảng Trị

Câu 2. Em hãy điền các chi tiết phù hợp với bảng thống kê các thông tin sau về vương quốc Chăm-pa.

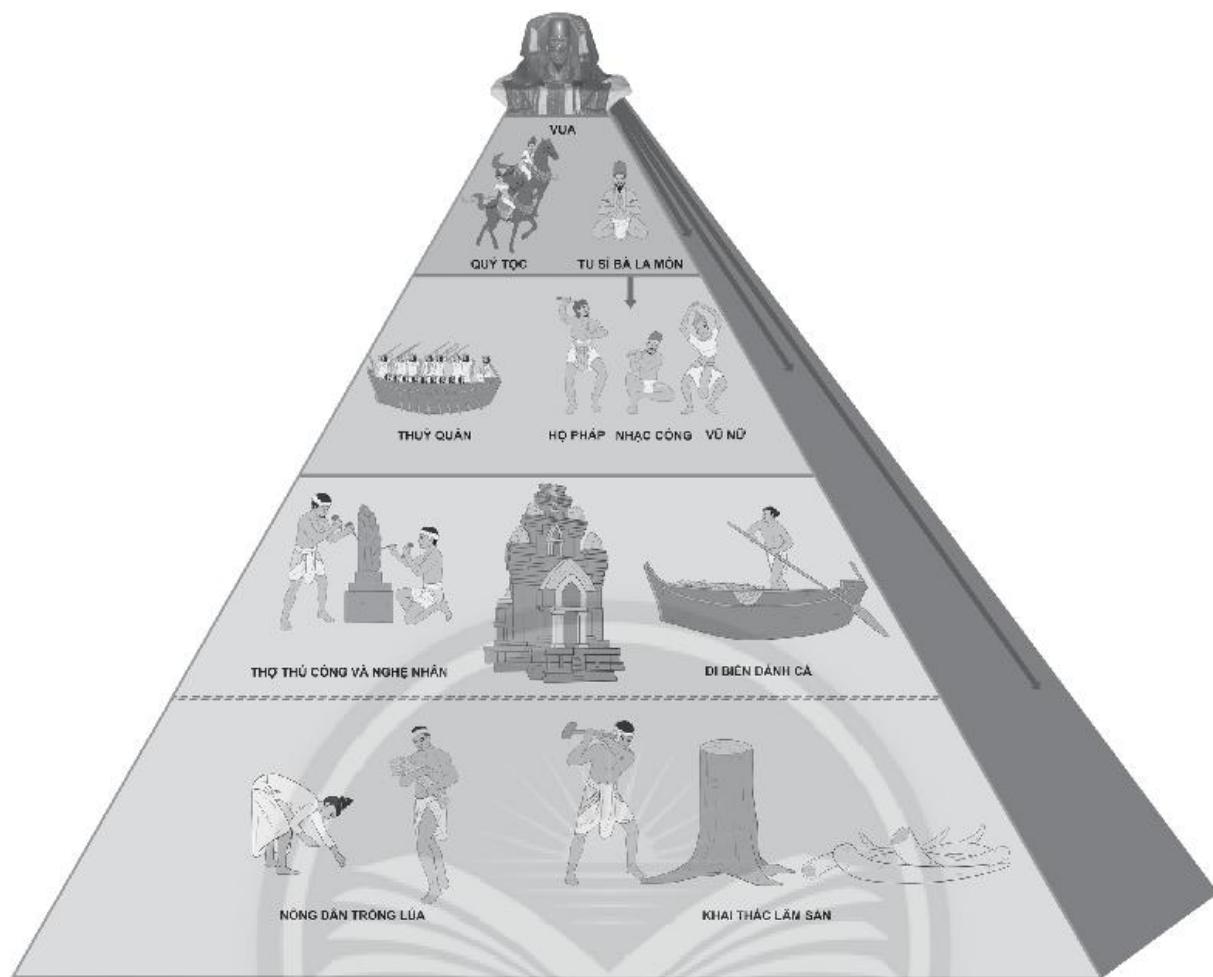
Thời gian	Sự kiện lịch sử tiêu biểu	Kinh đô	Những vùng địa lý có kinh đô
Cuối thế kỷ II	Chăm-pa được thành lập	Sin-ha-pu-ra	Duy Xuyên, Quảng Nam
Đầu thế kỷ VIII			
Cuối thế kỷ IX			
Cuối thế kỷ X			

Câu 3. Em hãy điền những từ hay cụm từ vào chỗ trống về hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa.

- | | |
|----------------|-------------------------|
| a. sắt | b. trâu bò |
| c. lâm sản | d. biển |
| e. thuyền buôn | f. sản xuất nông nghiệp |
| g. lúa | h. khoáng sản |
| i. đánh cá | j. trầm hương |

Hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân Chăm-pa là
..... Họ trồng trên nhiều loại
ruộng khác nhau ruộng trũng, ruộng cao, ruộng chua mặn,... Họ đã biết sử
dụng công cụ lao động bằng và sức kéo của.....
Chăm-pa nổi tiếng về các loại..... như vàng, bạc, hổ phách,...
và nhiều quý như ngà voi, sừng tê giác, nổi tiếng nhất
là..... Vì vậy, dân cư còn sinh sống bằng nghề
khai thác lâm sản. giữ một vai trò quan trọng trong
hoạt động kinh tế của Chăm-pa. Một bộ phận lớn dân cư sống bằng nghề
..... và trao đổi sản vật với
đến từ nước ngoài.

Câu 4. Các nhà sử học phải sử dụng tư liệu lịch sử, để có được một bức tranh lịch sử gần đúng nhất với những gì xảy ra, hoặc đã từng có trong quá khứ. Trải nghiệm công việc của một nhà sử học, em hãy quan sát và sắp xếp những nhân vật (từ số 1 đến số 6) vào sơ đồ 1 (trang 65). Khi đã chắc chắn rồi, em hãy viết tên những thành phần trong xã hội Chăm-pa tương ứng với các nhân vật trong các tác phẩm đó của nghệ thuật cổ Chăm-pa.



1



2



3



4



5



6

Bài 21

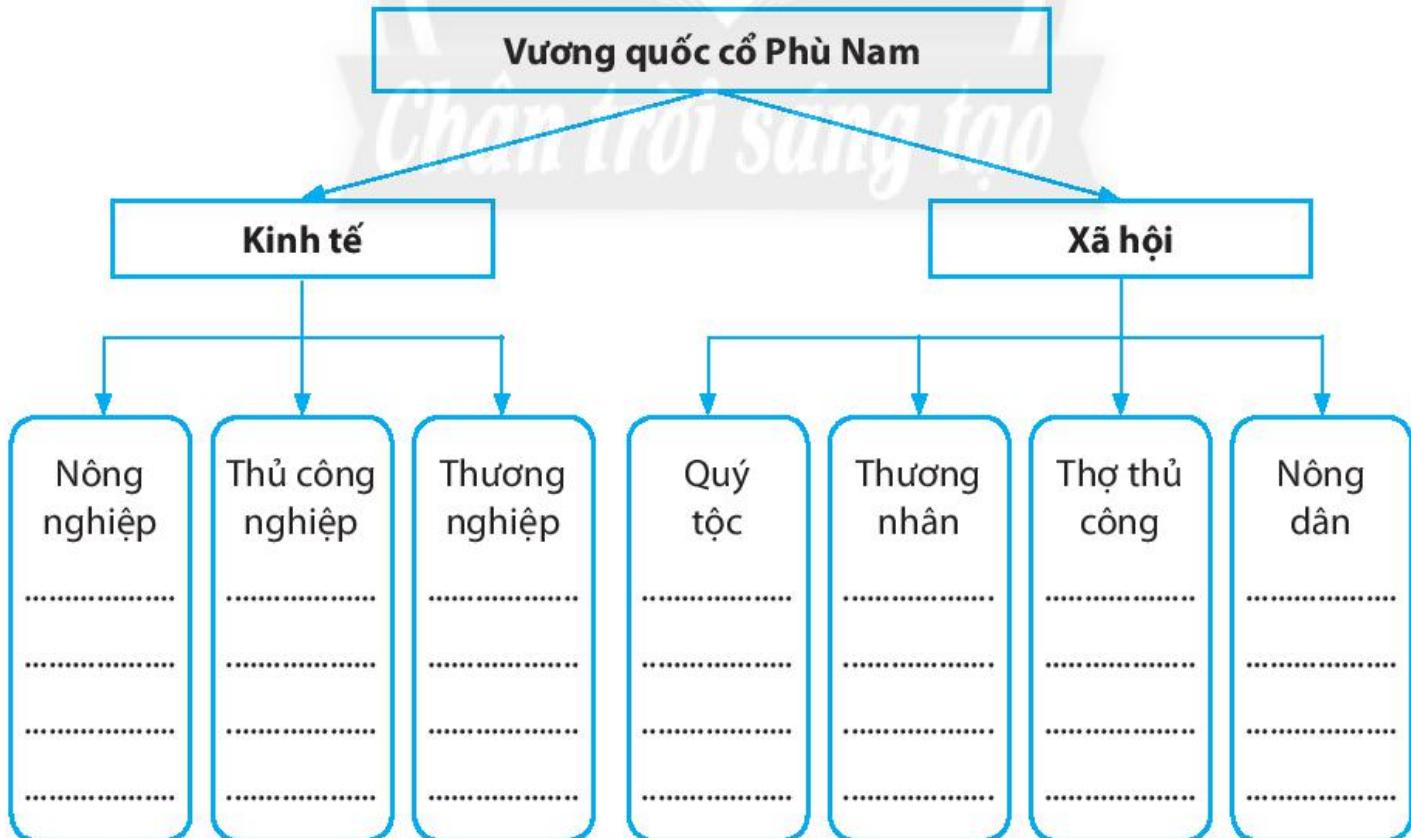
VƯƠNG QUỐC CỔ PHÙ NAM

Câu 1. Em hãy nối các dữ kiện dưới đây sao cho phù hợp.

1. Địa bàn chủ yếu của vương quốc cổ Phù Nam
2. Vào khoảng thế kỉ I
3. Từ thế kỉ III đến thế kỉ V
4. Từ thế kỉ III
5. Thế kỉ VI
6. Khoảng đầu thế kỉ VII.

- A. Vương quốc Phù Nam sụp đổ, các thành thị cổ nổi tiếng một thời như Óc Eo (An Giang) cũng đột ngột biến mất.
- B. Phù Nam bắt đầu mở rộng lãnh thổ, nhiều lần còn chinh phục các xứ lân bang.
- C. Phù Nam bắt đầu suy yếu và bị Chân Lạp thôn tính.
- D. Phù Nam là quốc gia phát triển nhất trong khu vực Đông Nam Á
- E. Vương quốc cổ Phù Nam ra đời
- F. thuộc Nam Bộ Việt Nam ngày nay

Câu 2. Em hãy hoàn thành sơ đồ bên dưới:



Câu 3. Em hãy lựa chọn các dữ kiện bên dưới để điền vào chỗ trống.

- a. nhà sàn
- b. thành thị
- c. Hin-đu giáo
- d. Phật giáo
- e. bức chạm nổi
- f. ghe thuyền
- g. gỗ
- h. kim hoàn
- i. Ấn Độ
- j. sông nước
- k. chữ Phạn

Đời sống hằng ngày gắn bó với là đặc trưng dễ nhận biết nhất của văn hoá Phù Nam. Người Phù Nam ở, làm nhà trên kênh rạch, xây ở những vùng đất nổi, đi lại chủ yếu bằng mảng,.....

..... đã du nhập vào Phù Nam. Trong bốn bia khắc bằng tồn tại đến ngày nay, bia Đồng Tháp Mười (Đồng Tháp) còn khá nguyên vẹn. và Phật giáo đều được du nhập từ và phát triển ở Phù Nam. Thế kỷ V – VI, chiếm ưu thế. Nhiều pho tượng Phật bằng đủ chất liệu, đá, đồng và đặc biệt là vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Bên cạnh một nền nghệ thuật tinh tế, phát triển cao, Phù Nam còn nổi tiếng với những trên đá, đất nung.

Câu 4. Em hãy lựa chọn và khoanh tròn vào chữ cái ứng với câu trả lời mà em cho là đúng.

1. *Những sản phẩm thủ công nghiệp thể hiện đặc trưng của vùng văn hoá sông nước là:*

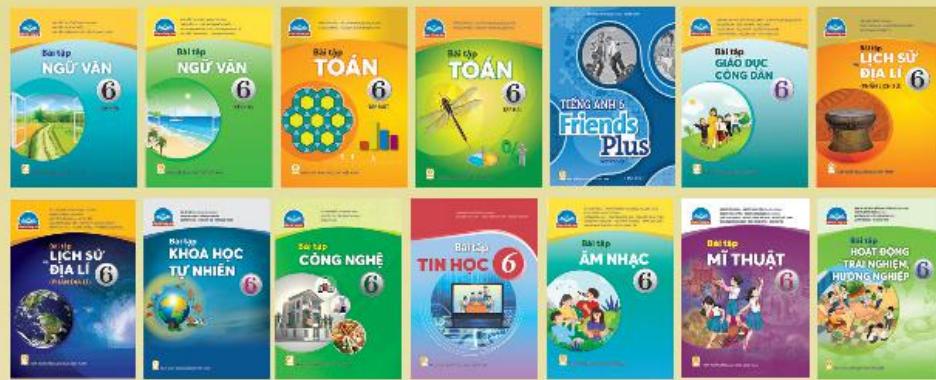
- A. tượng Phật bằng gỗ.
- B. đồ trang sức bằng vàng.
- C. ấm vòi cổ ngỗng và cà ràng.
- D. ấm đất nung.

2. *Khía cạnh nào trong văn hoá vật chất của Phù Nam thể hiện những nét đặc trưng của đời sống sông nước?*

- A. Xây thành thị ven biển.
- B. Đi lại bằng xe ngựa.
- C. Làm nhà trên kênh rạch, đi lại bằng mảng, ghe thuyền.
- D. Trồng lúa nước.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ BÀI TẬP LỚP 6 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Bài tập
NGỮ VĂN 6, TẬP MỘT
2. Bài tập
NGỮ VĂN 6, TẬP HAI
3. Bài tập
TOÁN 6, TẬP MỘT
4. Bài tập
TOÁN 6, TẬP HAI
5. Bài tập
TIẾNG ANH 6
Friends Plus - Workbook
6. Bài tập
GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6
7. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 (PHẦN LỊCH SỬ)
8. Bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6 (PHẦN ĐỊA LÍ)
9. Bài tập
KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
10. Bài tập
CÔNG NGHỆ 6
11. Bài tập
TIN HỌC 6
12. Bài tập
ÂM NHẠC 6
13. Bài tập
MĨ THUẬT 6
14. Bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM,
HƯỚNG NGHIỆP 6

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem
để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>
và nhập mã số tại biểu tượng chìa khoá.



ISBN 978-604-0-27327-7



Giá: 12.000 đ